LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến PGS. TS Trần Bình cùng tất cả các thầy cô giáo khoa Văn hóa du lịch- Tr- ờng Đại học Dân Lập Hải Phòng, cán bộ và nhân dân lãnh đạo xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã tận tình h- ớng dẫn, giúp đỡ em trong suốt thời gian làm khóa luận.

Nhờ có sự giúp đỡ nhiệt đó em mới có đ- ợc những kết quả nh- ngày hôm nay. Tuy đã có nhiều cố gắng để bài nghiên cứu có kết quả tốt, đóng góp cho việc gìn giữ và phát triển tục hát sli ở Lục Ngạn. Song do nhiều hạn chế, khóa luận chắc chắn sẽ còn nhiều hạn chế và thiếu sót, em rất mong đ- ợc sự góp ý và phê bình, bổ sung ý kiến quý báu, của tất cả mọi ng- ời.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 6 năm 2010

Nguyễn Thị Ph- ơng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

* Lý do khoa học

Trong thời kì đổi mới, đất nước mở cửa hội nhập, giao lưu văn hóa quốc tế, thì những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc đang có nguy cơ bị suy thoái mai một dần và mất đi. Vì thế trong những năm gần đây, việc bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc đó được các ban, ngành trong cả nước chú trọng, quan tâm. Điều này được thể hiện rõ qua nghị quyết của đại hội lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII: " Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội". Đại hội lần thứ V Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII cũng đề ra nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Dựa trên nghị quyết của Trung Ương, trong những năm gần đây huyện uỷ, uỷ ban nhân dân, phòng văn hóa thông tin huyện Lục Ngạn đã triển khai kế hoạch bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

Lục Ngạn là một huyện miền núi, nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Bắc Giang, có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống như: Tày, Nùng, Dao, Cao Lan, Sán Chí, Sán Dìu, Hoa… (dân tộc Nùng gồm có 3 nhóm là Phàn Slình,Nùng Inh và Nùng Cháo , trong đó nhánh Nùng Phàn Slình là đông nhất). Ngoài những đặc điểm chung các dân tộc nói trên còn mang đậm những nét riêng biệt

Nhánh tộc ng- ời Nùng Phàn Slình có hát sli (soong hao) rất phổ biến. Sli là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian, là trí thức trí tuệ tâm hồn trong đời sống tinh thần của tộc ng- ời Nùng Phàn Slình. Là một hình thức hát giao

duyên đối đáp, kể chuyện, giao l- u, chúc tụng đậm chất trữ tình, thể hiện tình yêu quê h- ơng đất n- ớc, yêu con ng- ời và giàu tình nhân ái, thể hiện những tình cảm của con ng- ời với con ng- ời, con ng- ời với thiên nhiên để cho cuộc sống tốt đẹp hơn. Trải qua các thời kỳ lịch sử nó đ- ợc nhiều thế hệ nối tiếp và sáng tạo, l- u truyền và trở thành một loại hình nghệ thuật dân gian đ- ợc giữ gìn bền vững qua các thời đại.

Loại hình dân ca này tr- ớc đây rất thịnh hành và đ- ợc bà con nhân dân hát th- ờng xuyên ở mọi nơi, mọi lúc. Nh- ng từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX trở lại đây, hát sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình gần nh- bị lãng quên trong đời sống xã hội. Những ng- ời hát và những ng- ời thuộc bài hát còn lại đến nay hầu nh- không còn. Hát sli trở nên xa lạ đối với tầng lớp trẻ. Vì vậy, việc nghiên cứu và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có thể loại dân ca này là rất cần thiết. Công trình này không nằm ngoài mục đích chung là làm thế nào để cho những bài ca và các thể loại hát sli Nùng Phàn Slình đ- ợc tồn tại và sống mãi trong đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện nói riêng và các nơi khác nói chung.

Việc nghiên cứu hát sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình nhằm khơi dậy những giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa của ng- ời Nùng Phàn Slình nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Chính vì vậy, là một sinh viên khoa Văn hóa du lịch nên việc nghiên cứu,tìm hiểu để đ- a ra đ- ợc tiềm năng và giá trị của tục hát sli đối với việc phát triển du lịch văn hóa ở Lục Ngạn (Bắc Giang) là một việc làm rất cần thiết và hữu ích. Tuy khả năng của bản thân còn nhiều hạn chế về kiến thức nh- ng tôi vẫn mong muốn đem hết khả năng của mình để nghiên cứu, góp phần bảo tồn và phát huy tác dụng của hát sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình đối với hoạt động du lịch.

*** Lý do thực tiễn.**

Để tạo ra một nền kinh tế phát triển và h- ng thịnh Đảng và nhà n- ớc ta đã có những chính sách nhằm khuyến khích phát triển kinh tế, đặc biệt để tạo ra một nền kinh tế phát triển đồng bộ, Đảng và nhà n- ớc ta đã quan tâm đến việc phát triển kinh tế ở vùng cao, nơi có rất nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Việc phát triển kinh tế không tách rời với việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy những nền văn hóa riêng của từng tộc ng- ời. Mỗi tộc ng- ời lại có những đặc điểm về văn hóa riêng, tạo nên sự đa dạng và muốn không bị mai một thì việc nghiên cứu về nó là rất cần thiết.

Đặc biệt với vị trí địa lý thuận lợi, lại là nơi có nhiều di tích lịch sử văn hóa, Lục Ngạn ở Bắc Giang sẽ là một điểm đến thú vị đối với du khách, ở đây có một làn điệu rất nổi tiếng, gắn với những đặc tr- ng văn hóa của ng- ời Nùng có thể phục vụ cho hoạt động du lịch. Vì vậy muốn phát triển du lịch chúng ta cần phải nghiên cứu nó.

Tôi đã mạnh dạn chọn đề tài: *Tục hát sli của ng- ời Nùng đối với việc phát triển du lịch văn hóa ở Lục Ngạn, Bắc Giang.*

2.Tình hình nghiên cứu

Hát sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình hầu nh- ch- a có ai s- u tầm, nghiên cứu. Chỉ có một số ít các nhà nghiên cứu quan tâm đến và mới chỉ mang tính chất là khảo sát, tìm hiểu. Các công trình nghiên cứu của các tác giả đi tr- ớc mới dừng lại ở mức độ khái quát chung về văn hóa các dân tộc trong tỉnh và huyện nh- :

- Di sản văn hóa Bắc Giang về văn hóa phi vật thể (Bảo tàng Bắc Giang, xuất bản năm 2006). Trong cuốn sách này các tác giả đã nói qua các làn điệu dân ca của các dân tộc.

- Truyền thống văn hóa Thông tin huyện Lục Ngạn (Bắc Giang xuất bản tháng 8 năm 2007). Cuốn sách này có nói về văn hóa các dân tộc trong huyện trong đó có dân tộc Nùng.

- Địa chí Bắc Giang - phần văn hóa - xã hội các tác giả cũng nói về văn hóa các dân tộc trong tỉnh.

-Sổ tay các dân tộc thiểu số.(Viện dân tộc học)

Thông qua những cuốn sách trên, nội dung của nó cũng đề cập tới nhiều phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số đang c- trú tại tỉnh cũng nh- tại huyện, trong đó có dân tộc Nùng.

Trong những công trình kể trên, các tác giả chỉ mới liệt kê những vấn đề chính về thành phần các dân tộc, phong tục tập quán, lời ca ở dạng tổng quát ch- a đi sâu vào vấn đề cụ thể. Các công trình trên cũng giúp cho ng- ời viết nhìn vào vấn đề một cách cụ thể hơn.

3. Mục đích nghiên cứu

Khảo sát, điền dã ,tìm hiểu hệ thống các thể loại hát sli (soonghao) của ng- ời Nùng Phàn Slình ở huyện Lục Ngạn - Bắc Giang đi sâu vào lời ca, cách hát, cấu trúc giai điệu, giá trị văn học dân gian nhằm cung cấp cho các nhà nghiên cứu, những ng- ời làm công tác quản lý có thêm tài liệu về hát dân ca sli (soonghao) của ng- ời Nùng Phàn Slình.

Trên cơ sở tìm hiểu phân tích nguồn gốc, lịch sử phát triển, lề lối tổ chức, quá trình diễn x- ớng, những đặc điểm cơ bản của dân ca sli (soonghao) trong đời sống văn hóa c- dân vùng Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang.

Nghiên cứu đề tài này, tôi cũng muốn làm rõ thực trạng tồn tại của dân ca sli (soonghao) Nùng Phàn Slình trong thời đại hiện nay, tìm ra nguyên nhân, từ đó làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất ph- ơng h- ớng bảo tồn và phát huy giá trị, vai trò cuả hát sli (soonghao) ng- ời Nùng Phàn Slình trong xã hội.

Và điều quan trọng nhất là tôi muốn đ- a ra những ý kiến của cá nhân mình nhằm đ- a tục hát sli trở thành một tài nguyên du lịch văn hoá phục vụ cho hoạt động du lịch văn hóa của ng- ời dân ở Lục Ngạn nói riêng và cho

khách du lịch nói chung, và các lợi ích của việc phát triển loại hình du lịch này.

4. Đối t- ợng và phạm vi nghiên cứu

- Khóa luận chủ yếu đi sâu nghiên cứu sinh hoạt hát sli (soonghao) ng- ời Nùng Phàn Slình - một di sản văn hóa đã tồn tại phát triển qua nhiều thế kỉ.

- Ng- ời Nùng không chỉ c- trú ở huyện Lục Ngạn mà còn con trú ở một số xã thuộc huyện Lục Nam, Yên Thế, Sơn Động và một số tỉnh lân cận bao gồm: Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang...

Vì điều kiện không cho phép và khả năng có hạn nên em đi sâu nghiên cứu dân ca hát sli (soonghao) ng- ời Nùng Phàn Slình ở huyện Lục Ngạn - Bắc Giang. (Chủ yếu là ở xã Kiên Lao)

5. Ph- ơng pháp nghiên cứu

Để thực hiện luận văn đạt kết quả, tôi đã chọn và sử dụng các ph- ơng pháp sau:

+ Lấy ph- ơng pháp điều tra, khảo sát, điền dã, s- u tầm các tài liệu về hát sli (soonghao) ng- ời Nùng Phàn Slình ở huyện Lục Ngạn làm ph- ơng pháp chủ yếu.

+ Tiến hành ghi âm, kí âm một số bài dân ca tiêu biểu, những bài hát có tiết tấu giai điệu, cách hát của ng- ời Nùng Phàn Slình huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang.

+ Ph- ơng pháp liên ngành: hát dân ca sli (soonghao) Nùng Phàn Slình là hình thức sinh hoạt văn hóa tổng hợp, nhiều vấn đề trong đó có liên quan đến xã hội học, sử học, dân tộc học, văn hóa học, nghệ thuật học (văn học, âm nhạc).

Vì thế ng- ời viết phải sử dụng ph- ơng pháp liên ngành để phân tích hát sli (soonghao) Nùng Phàn Slình từ nhiều góc độ khác nhau.

+ Quá trình phân tích và tổng hợp, so sánh đ- ợc thực hiện để tìm ra những đặc điểm chung và riêng của dân ca sli (soonghao) Nùng Phàn Slình.

+Ph- ơng pháp xã hội học: Dùng bảng hỏi xem họ có muốn phát triển du lịch hay không? Và họ muốn phát triển nh- thế nào?

+Thu thập th- tịch, t- liệu có sẵn đã nghiên cứu về vấn đề mình đang nghiên cứu, những t- liệu đã công bố.

+ B- ớc đầu phát hiện những nét đặc tr- ng của hát dân ca sli (soong hao) từ đó nhận biết đ- ợc giá trị sáng tạo văn hóa của c- dân Nùng Phàn Slình huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang. Xác lập một hệ thống biện pháp, mô hình nhằm bảo l- u, phát triển các giá trị của hát dân ca sli (soong hao) Nùng Phàn Slình trong đời sống văn hóa hiện nay của dân c- huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

6. Nội dung và bố cục khoá luận

Ngoài phần *Mở đầu, Kết luận* và *Phụ lục,* nội dung của khoá luận đ- - ợc trình bày trong 3 ch- ơng:

Ch- ơng 1: *Khái quát về tự nhiên, xã hội và ng- ời Nùng ở Lục Ngạn.*

Ch- ơng 2: *Tục hát sli của ng- ời Nùng ở Lục Ngạn*

Ch- ơng 3: *Tiềm năng du lịch của tục hát sli ở Lục Ngạn*

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI VÀ NG□ ỜI NÙNG Ở LỤC NGẠN

1. Khái quát về tự nhiên, xã hội huyện Lục Ngạn

1.1.1.Vài nét về tỉnh Bắc Giang

Bắc Giang là một tỉnh miền núi đ- ợc tái lập từ ngày 06/11/1996, nằm ở phía Bắc của đồng bằng Bắc Bộ; phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn; phía Tây và Tây Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên; phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Bắc Ninh, Hải D- ơng; phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh. Lãnh thổ tỉnh Bắc Giang chạy dài theo h- ớng từ Tây sang Đông. Địa hình dốc, nghiêng từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Vùng núi phía Bắc và phía Đông chiếm khoảng 3/4 diện tích gồm các huyện: Yên Thế, Sơn Động, Lục Ngạn và Lục Nam.Vùng đồi thấp gồm thị xã Bắc Giang và một phần huyện Hiệp Hòa, Việt Yên, Tân Yên, Yên Dũng, Lạng Giang, phần còn lại là những vùng đất phù sa cổ ven sông Cầu, sông Th- ơng.

Tổng diện tích đất tự nhiên của Bắc Giang là 3282.6 km2 (theo thống kê năm 1999). Ước điều tra dân số 01/04/2009, dân số Bắc Giang có 1.555.720 ng- ời, với mật độ dân số là 407 ng- ời/ km2, gấp 1,7 lần mật độ dân số trung bình của cả n- ớc. Trên địa bàn Bắc Giang có 26 dân tộc cùng sinh sống, trong đó đông nhất là ng- ời Kinh, chiếm 88,1% dân số toàn tỉnh, tiếp đến là ng- ời Nùng chiếm 4,5%, ng- ời Tày chiếm 2,6%, ng- ời Sán Chay và ng- ời Sán Dìu mỗi dân tộc chiếm 1,6%, ng- ời Hoa chiếm 1,2%, ng- ời Dao chiếm 0,5%.

Bắc Giang đứng thứ 32 về diện tích, thứ 16 về dân số và thứ 22 về mật độ dân số trong 63 tỉnh thành phố của cả n- ớc.

Về ph- ơng diện hành chính, từ đầu năm 2004 Bắc Giang có 10 đơn vị cấp huyện: Thị xã Bắc Giang; huyện vùng cao Sơn Động; huyện vùng núi, vùng cao gồm: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Yên Dũng; huyện trung du miền núi có Hiệp Hòa, Việt Yên. Tổng số xã ph- ờng thị trấn là 227 đơn vị.

Về ph- ơng diện lịch sử, từ thời các vua Hùng, Bắc Giang thuộc bộ Vũ Ninh cuả n- ớc Văn Lang. D- ới sự thống trị cuả các v- ơng triều Trung Hoa, vùng đất Bắc Giang thuộc quận T- ợng. Thời kì phong kiến độc lập tự chủ, các triều Đinh, Tiền Lê vẫn giữ nguyên sự phân chia c- ơng vực nh- d- ới thời nhà Đ- ờng. Các triều Lý -Trần đặt lộ Bắc Giang. Thời Hậu Lê đổi thành Thừa Tuyên - Bắc Giang, sau lại đổi thành trấn Bắc Ninh, năm 1813 đổi thành tỉnh Bắc Ninh, ngày 10/10/1895 toàn quyền Đông D- ơng kí nghị định thành lập tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hai phủ Đa Phúc, Lạng Giang tách ra từ tỉnh Bắc Ninh gồm 8 huyện. Tỉnh lị đặt tại phủ Lạng Th- - ơng. Trải qua quá trình biến động của xã hội, đến tháng 10 năm 1959 nhà n- ớc ta đổi tên thị xã Phủ Lạng Th- ơng thành thị xã Bắc Giang. Ngày 27/10/1962 Quốc hội khóa II kì họp thứ V đã quyết định sát nhập hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc. Tỉnh lị đặt tại thị xã Bắc Giang. Cho đến ngày 06/11/1996 Quốc hội khóa IX kì họp thứ X đã phê chuẩn việc tách và thành lập hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Từ ngày 01/01/1997 bộ máy hành chính tỉnh Bắc Giang chính thức hoạt động đến nay.

1.1.2. Huyện Lục Ngạn

Huyện Lục Ngạn là một huyện miền núi, nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Bắc Giang, có diện tích tự nhiên là 101 149km^2, gồm 29 xã và một thị trấn đ- ợc chia thành hai vùng, vùng cao có 12 xã, vùng thấp có 17 xã và 1 thị trấn, phía Bắc giáp huyện Chi Lăng và Hữu Lũng (Lạng Sơn), phía Đông giáp huyện Sơn Động (Bắc Giang) và huyện Lộc Bình (Lạng Sơn), phía Nam và phía Tây giáp huyện Lục Nam (Bắc Giang)

Lục Ngạn là một bồn địa do hai dải núi lớn là Bảo Đài và Đinh Viền bao bọc mà thành. Chảy qua giữa bồn địa nay theo h- ớng Đông - Tây là sông Lục Nam (tên chữ là Minh Đức Giang). Sông Lục Nam hoà cùng sự trùng điệp của vùng Đông Bắc tạo nên thắng cảnh hùng vĩ " một Trường Giang đẹp nhất Bắc Kì" là đường huyết mạch giao thông quan trọng đặc biệt của vùng đất này.

Lục Ngạn cũng là điểm hội tụ nhiều tuyến đ- ờng giao thông quan trọng: đó là con đ- ờng nối Lạng Sơn với vùng Lục Ngạn qua các cửa ngõ Kiên Lao, Cấm Sơn, Xa Lý, là con đ- ờng bộ cổ, men theo dòng sông Lục, nay là quốc lộ 31, qua Sơn Động *44 xã (các tổng là: Vô Chanh, C- ơng Sơn, Kiên Lao, Hả Hộ, Mỹ N- ơng, Niêm Sơn, Biển Động) thuộc tỉnh Bắc Ninh.Giữa triều vua Tự Đức(1848-1886), Lục Ngạn đ- ợc nhập thêm 4 tổng: Trạm Điền, Đan Hội, Bắc Lũng, Bản Đông thành 11 tổng* .

Năm Thành Thái Nguyên niên (1889) hai tổng Biển Động, Niêm Sơn đ- - ợc chuyển sang huyện Yên Bác, tổng Trạm Điền đ- ợc đ- a về huyện Chí Linh. Thời Pháp thuộc, khu vực này có một số thay đổi về các đơn vị địa lí hành chính: ngày 05/11/1889, tỉnh Lục Nam đ- ợc thành lập, Lục Ngạn thuộc tỉnh Lục Nam; ngày 08/09/1891 tỉnh Lục Nam giải thể, Lục Ngạn trở lại tỉnh Bắc Ninh; ngày10/11/1895, tỉnh Bắc Giang đ- ợc thành lập, Lục Ngạn thuộc tỉnh Bắc Giang, trừ mấy tổng: Trù Hựu, Kiên Lao, Hả Hộ nằm trong đạo quan binh Yên Thế. Tháng 2 năm 1909 các tổng Biển Động, Niêm Sơn, Mỹ N- ơng, Kiên Lao, Hạ Hộ từ huyện Lục Ngạn về huyện Sơn Động. Thời gian huyện Bảo Lộc (sau đổi thành Lạng Giang) cắt hai tổng Trù Hựu, Tam Dị về Lục Ngạn. Tr- ớc Cách mạng Tháng Tám Năm 1945 Lục Ngạn bao gồm 10 tổng(Bắc Lũng, Chu Diện, C- ơng Sơn, Đan Hội, Kiên Lao, Mỹ N- ơng, Sơn Đình, Tam Dị, Trù Hựu, Vô Tranh) với 61 xã. Sau cách mạng Tháng 8, địa giới hành chính Lục Ngạn có nhiều thay đổi. Khi quân

Pháp mở rộng chiếm đóng ra vùng Đông Bắc, chia cắt hai huyện Sơn Động và Lục Ngạn nối hai tỉnh Quảng Ninh và Lạng Sơn với Bắc Giang.

Lục Ngạn với trung tâm thị trấn Chũ - là một điểm hội tụ của cả vùng Đông Bắc rộng lớn, từ đó mở ra miền đồi gò thấp và tiếp nối với vùng Đông Bắc Bộ.

Đặc điểm đất đai, khí hậu, thủy văn ở Lục Ngạn đã tạo cho huyện có một thảm thực vật hết sức phong phú, đa dạng. Ngoài diện tích rừng, Lục Ngạn có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các cây công nghiệp và các loại hoa màu. Đặc biệt là tính chất " tiểu vùng khí hậu" cùng với tính chất thổ nh- ỡng phù hợp cho trồng cây vải thiều và một số cây ăn quả khác.

**Về lịch sử, địa giới hành chính, thời Hùng V- ơng Lục Ngạn thuộc về bộ Kê Từ, sau đó huyện Kê Từ thời Bắc thuộc. Thời Lý, Lục Ngạn có tên là Lục Na thuộc Châu Lạng. Thời kỳ nhà Minh đô hộ (đầu thế kỷ 15) Lục Ngạn đ- - ợc chia thành 2 huyện Lục Na và Na Ngạn. Sang thời Lê, địa bàn Lục Ngạn thuộc về hai huyện Lục Ngạn và Bảo Lộc. Tên gọi Lục Ngạn đ- ợc xuất hiện từ thời Quang Thuận (1460-1469). D- ới triều vua Lê Chính Hòa (1680-1705), huyện Lục Ngạn đóng tại xã Thủ D- ơng (nay là xã Nam D- - ơng). Đến thời Nguyễn huyện lị đ- ợc chuyển về xã C- ơng Sơn (nay là xã C- - ơng Sơn- huyện Lục Nam). Đầu thế kỷ 19, Lục Ngạn gồm 7 tổng. Tháng 7/1947, Uỷ ban kháng chiến hành chính liên khu 1 đã quyết định tách các xã phía Tây Sơn Động về Lục Ngạn, sát nhập 10 xã tả ngạn sông Lục Nam thuộc huyện Lục Ngạn với các xã phía Tây Sơn Động và huyện Hải Chi (tỉnh Hải Ninh) thành Châu Lục Sơn Hải thuộc liên tỉnh Quảng Hồng. Năm1955, các xã tr- ớc đây cắt sang Châu Lục Sơn Hải trở về Lục Ngạn. Ngày 21/7/1957 Thủ t- ớng Chính phủ đã ra nghị định số 24/TTg, chia hai huyện Sơn Động và Lục Ngạn thành ba huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam.*

Hiện tại Lục Ngạn:

- có 29 xã và một thị trấn đó là : Thị trấn Chũ.

-17 xã vùng thấp: Kiên Lao, Yên Thành, Thanh Hải, Biên Sơn, Tân Hoa, Qúy Sơn, Trù Hựu, Nghĩa Hồ, Hồng Giang, Giáp Sơn, Phì Điền, Biển Động, Ph- ợng Sơn, Nam D- ơng, Đồng Cốc, Mỹ An, Tân Quang.

-12 xã vùng cao: Cấm Sơn, Tân Sơn, Sơn Hải, Hộ Đáp, Phong Vân, Phong Minh, Xa lý, Kim Sơn, Tân Lập, Phú Nhuận, Tân Mộc, Bèo Gia.

**" Về mặt dân số, tính đến đầu tháng 1 năm 1997 Lục Ngạn có 175 nghìn ng- ời. Đến năm 2007dân số lên tới 200 nghìn ng- ời. Lục Ngạn có 11 dân tộc anh em chung sống là các dân tộc: Kinh, Nùng, Tàu, Cao Lan, San Chí, Sán Dìu, Hoa, Dao. Trong đó dân tộc Kinh là 108 nghìn ng- ời, chiếm 54% dân số toàn huyện. Ng- ời Nùng Phàn Slình 37 nghìn ng- ời, chiếm 18%, đông thứ 2 sau người Kinh".*

Ngay từ buổi bình minh của lich sử, vùng đất Lục Ngạn có ng- ời Việt cổ sinh sống. Khảo cổ học đã phát hiện hàng loạt di vật - công cụ sản xuất - đ- - ợc chế tác bằng đá cuội tại ven bờ sông Lục, với các điểm khai quật Chũ phố, Chũ làng. Chủ nhân của các di vật này là con ng- ời thuộc văn hóa Sơn Vi, hậu kỳ thời đại đồ đá cũ, cách đây gần 2 vạn năm. Đến thời đại bắt đâu dựng n- ớc và giữ nước " thời đại các vua Hùng" nhóm dân c- này phát triển khá đông đúc, hợp thành bộ lạc Vi Từ, chiếm lĩnh cả một vùng núi huyền sông Lục. B- ớc vào thời kỳ đất n- ớc độc lập tự chủ, nơi đây có nhiều thế tộc lớn xuất hiện, mà tiêu biểu là họ Thân, nhiều đời làm phò mã nhà Lý [....].

1.2. Khái quát về ng- ời Nùng ở Lục Ngạn

1.2.1. Lịch sử c- trú

ở Lục Ngạn, ng- ời Nùng là dân tộc có dân số đông sau ng- ời Kinh, là thành viên trong cộng đồng dân tộc nói ngôn ngữ Tày - Thái, dân tộc Nùng

Phàn Slình cũng nh- một số nhánh Nùng khác, đến Lục Ngạn mới chỉ vài ba trăm năm trở lại đây. Hầu hết đều di c- từ Lạng Sơn xuống, c- trú thành làng bản rải rác ở những s- ờn đồi, núi thấp theo từng khu, cách nhau bởi những ngọn đồi, thung lũng nhỏ hay con suối, vạt rừng. Tập trung chủ yếu ở địa bàn các xã: Hộ Đáp, Cấm Sơn, Sơn Hải, Liên Sơn, Tân Sơn, Tân Hoa, Phong Minh, Biển Động.

Những kết quả nghiên cứu dân tộc học, sử học cho đến nay đều thống nhất rằng: Tộc danh Nùng bắt nguồn từ tên của dòng họ Nùng - là một trong bốn dòng họ có thế lực d- ới thời Đ- ờng (618 - 905) ở Quảng Tây (Trung Quốc) gồm Nùng Hoàng, Chu, Vi. Tộc họ Nùng ngày càng mở rộng thế lực và địa bàn c- trú về phía Đông, Tây và Nam, có những tù tr- ởng nổi tiếng nh- Nùng Tồn Phúc, Nùng Chí Cao. Từ một họ Nùng, dân Nùng đến tộc danh Nùng cũng là một quá trình phát triển hợp lý của một bộ phận dân c- - có nguồn gốc từ khối Tráng - Tày Nùng trong lịch sử. Cho đến nay ở Lục Ngạn cũng nh- các nơi khác ở các tỉnh Đông Bắc nhiều nhóm Nùng vẫn còn nhớ đ- ợc nguồn gốc xa x- a từ Trung Quốc nh- Nùng Phàn Slình quê cũ ở Vạn Thành Châu, Nùng Cháo ở Long Châu. Dân tộc Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn trong thời chiến cũng nh- trong thời bình luôn kiên c- ờng bất khuất, đoàn kết với nhau cùng các dân tộc anh em đã có nhiều đóng góp trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc, góp phần làm phong phú văn hóa Việt Nam thống nhất mà đa dạng.

1.2.2. Kinh tế, xã hội

-Cũng nh- một số dân tộc khác, ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn từ lâu đời đã lấy nông nghiệp lúa n- ớc làm nguồn sống chính, bên cạnh đó việc trồng các loại lúa n- ơng và các loại cây l- ơng thực và rau mầu khác nh- : khoai, sắn, vừng, lạc, đậu, đỗ, cũng không kém phần quan trọng. Hình thức chăn nuôi trong gia đình rất phát triển, đặc biệt trong những năm gần đây phát triển trồng cây ăn quả nh- : vải thiều, hồng. Nền kinh tế tự cung tự cấp

của ng- ời Nùng Phàn Slình giờ đã chuyển dần sang kinh tế hàng hóa. Nhờ kinh tế hàng hóa và l- u thông th- ờng xuyên làm cho Lục Ngạn hình thành các cụm chợ huyện, chợ xã. Tr- ớc đây chợ không chỉ mang tính chất buôn bán trao đổi mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa. Ng- ời Nùng Phàn Slình đi xem chợ để gặp gỡ bạn bè, ng- ời thân qua hát sli, l- ợn. Hiện nay do sự tác động của nền kinh tế thị tr- ờng việc hát sli, hát l- ợn trong các dịp phiên chợ không còn nữa. Có lẽ, đây là một điều đáng tiếc trong các phiên chợ miền núi cũng nh- chợ huyện của huyện Lục Ngạn.

- Gia đình của ng- ời Nùng Phàn Slình chỉ có hai thế hệ cùng sinh sống vì khi con cái lớn lên xây dựng gia đình th- ờng đ- ợc bố mẹ cho ra ở riêng ngay để ổn định gia đình và có điều kiện phát triển kinh tế. Mỗi gia đình ng- ời Nùng Phàn Slình tr- ớc đây sinh từ năm đến bảy con. Đồng bào quan niệm rằng đẻ nhiều cho có anh có em. Đến nay cùng với sự phát triển của xã hội, trình độ văn hóa của ng- ời Nùng cũng đã đ- ợc nâng cao, đồng bào đ- ợc tiếp cận với khoa học, công nghệ hiện đại, cho nên tỉ lệ sinh đã giảm xuống đáng kể trong các hộ gia đình của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn.

-Gia đình ng- ời Nùng Phàn Slình cũng nh- các đân tộc khác là một đơn vị kinh tế độc lập, chủ gia đình là ng- ời chồng, ng- ời cha cho nên gia đình mang tính chất phụ quyền. Ng- ời chủ gia đình có vai trò quyết định trong tổ chức sản xuất của gia đình, điều hòa các mối quan hệ xã hội. Từ x- a, nếu ông bà, cha mẹ đã nói thì những người nhỏ tuổi phải tuân theo.

-Về quan hệ xã hội, ng- ời Nùng Phàn Slình rất coi trọng quan hệ dòng họ, nhất là họ gần hay cùng chi họ đều yêu th- ơng đùm bọc lẫn nhau. Trong cuộc sống của ng- ời Nùng Phàn Slình lập thành bản quần c- , cùng c- trú mang tính chất cộng đồng sở hữu, cộng cảm văn hóa và tính tự quản cao.

1.2.3. Khái quát về văn hoá

** Văn hóa vật thể*

Đời sống văn hóa của ngời Nùng Phàn Slình mang những nét chung của dân tộc ng- ời Nùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

-Nhà ở :

Ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn ở nhà đất, trình t- ờng, nhà có hai mái lợp bằng ngói mát. Khung mái gồm có cột, vì kèo, xà dầm, th- ờng chia làm ba gian hoặc năm gian.

Kĩ thuật trình t- ờng: t- ờng có độ dày, cao để giữ ấm vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hè, ngói lập cứ một hàng úp một hàng ngửa, loại ngói đ- ợc sử dụng do đồng bào tự sản xuất. Trong khuôn viên của một gia đình ng- ời Nùng gồm có bếp, nhà chính và chuồng chăn nuôi đã tách biệt. Căn nhà chính có cửa ra vào ở giữa th- ờng hẹp. Nét phổ biến trong ngôi nhà chính là có gác xép (trừ gian chính giữa) để đựng thóc lúa, ngô khoai, các đồ dùng sinh hoạt khác nh- : chăn màn, quần áo và các công cụ sản xuất.

Khi xây dựng nhà cửa đồng bào th- ờng phụ thuộc vào thế đất nơi họ sinh sống, mà không phụ thuộc nhiều vào h- ớng đất nh- ng- ời Kinh. Nhà th- - ờng đ- ợc làm ở ven sông ven suối, ven đồi rừng nơi gần nguồn n- ớc và tránh đ- ợc thiên tai, thú dữ và thuận tiện cho cuộc sống hàng ngày.

Những ngôi nhà của đồng bào làm bao giờ cũng h- ớng ra sông, ra suối hay vùng đất thấp hơn và tựa l- ng vào vùng đất cao hơn ở phía sau nhà. Vị trí lý t- ởng theo con mắt của đồng bào là đ- ợc dựa l- ng vào đồi núi, phóng tầm mắt nhìn xa về phía tr- ớc mà không bị ngọn núi mỏm đá nào chắn ngang. Trên phần đất đó đồng bào san phẳng làm nhà ở, sân, v- ờn, còn phía d- ới là phần đất thoải dẫn đến nơi canh tác chủ yếu là cánh đồng lúa. Nhà ở cần tránh luồng gió lớn. Việc áp dụng phong thủy trong làm nhà là ảnh h- ởng rõ nét của văn hóa Hán còn lại cho đến ngày nay, nét văn hóa ấy đ- ợc đồng bào gìn giữ và bảo vệ trong tâm thức của đồng bào Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn- Bắc Giang.

-Y phục:

Có nhiều dân tộc sống và lao động trong môi tr- ờng nhiệt đới gió mùa, màu xanh cây cỏ, núi rừng là phổ biến, song mỗi dân tộc lại lựa chọn cho mình những màu sắc riêng biệt. Dáng, kiểu và sắc màu trang phục một mặt thể hiện tâm lí dân tộc, mặt khác phù hợp với môi tr- ờng sống của con ng- - ời, tộc ng- ời. Dân tộc Nùng nói chung cũng nh- ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn nói riêng lựa chọn màu chàm - một màu nền đã hòa hợp với thiên nhiên núi rừng xanh thẳm. Nổi bật trên nền cơ bản ấy là những đ- ờng viền điểm xuyết trên nẹp áo, nẹp cổ tay với màu sắc nhã nhặn, sinh động, không để lộ sự khác biệt của các mảnh táp nối cửa ống tay áo. Đồng bào còn lựa chọn những hoa văn, những sọc xanh nhạt phổ trên nền vải này, tạo nên những mảnh phối hợp màu sinh động mà nhã nhặn, dễ coi. Mảng màu đó phản ánh sắc màu của thiên nhiên và một phần là kết quả của lịch sử phát triển ổn định lâu dài của dân tộc Nùng Phàn Slình. Những lớp vải bông truyền thống qua nhiều lớp nhuộm chàm tạo ra sắc vải đen màu chàm. Ngày nay ng- ời Nùng cũng mặc những tấm áo chàm nh- ng cũng ít đi và ít ng- ời làm công việc nhuộm chàm và may áo. Những ng- ời mặc chủ yếu là những ng- ời trung niên và ng- ời già, thanh niên ít hoặc không mặc nữa. Các cụ già hiện nay vẫn mong muốn khi về gặp tổ tiên của mình đ- ợc mặc những trang phục truyền thống của dân tộc mình.

Ng- ời Nùng Phàn Slình mặc áo bốn thân, tứ xẻ hai bên nách và đính ở chỗ xẻ đó những sợi chỉ màu để trang trí, áo nam th- ờng có bảy khuy làm bằng vải. Có hai kiểu cài khuy là đôi và đơn, áo nữ th- ờngcó 5 khuy và đ- ợc cài lệch sang ngực phải. Xẻ dọc theo đ- ờng vát chéo đó ng- ời ta xen những miếng vải nhỏ khác màu, th- ờng 3 đến 5 đ- ờng tạo cho ng- ời phụ nữ vừa kín đáo và cũng rất nữ tính. Cách tạo kiểu cài cúc này có nét giống với tấm áo dài duyên dáng Việt Nam, có thể có mối quan hệ nào đó mà ta ch- a khám phá ra. Đây cũng là một trong những đặc điểm cần chú ý khi so sánh trang phục của các dân tộc khác, áo nam cũng nh- áo nữ đều ngắn cổ.

Quần đ- ợc may theo kiểu ống đứng, quần con trai ống rộng, quần con gái ống hẹp hơn. Nhìn chung ng- ời Nùng Phàn Slình có bộ trang phục truyền thống rất đơn giản: đơn giản về cách may, kiểu loại, về màu sắc, cả về cách trang trí, thêu thùa. Nh- ng lại có một nét riêng biệt tạo nên một bản sắc văn hóa quý báu đáng đ- ợc bảo tồn và phát huy.

-Trang sức:

Trang sức của đồng bào Nùng Phàn Slình khá tinh sảo, phổ biến đ- ợc làm từ bạc và đồng, nh- vòng cổ, vòng tay, nhẫn, khuyên tai, xà tích, đồ trang sức làm bằng bạc ngoài giá trị tôn thêm vẻ đẹp, sự giàu sang cho ng- ời con gái còn có tác dụng kỵ gió, tránh tà ma, bảo vệ sức khỏe. Những đồ trang sứ này đ- ợc dùng nhiều nhất trong các dịp lễ tết, nhất là trong ngày c- ới. Ngoài ra kiểu bịt răng bạc, vàng tr- ớc đây khá phổ biến ở cả nam và nữ thanh niên ng- ời Nùng Phàn Slình. Ngày nay, còn ít ng- ời sử dụng cách trang sức này.

Nghệ thuật trang trí của dân tộc Nùng Phàn Slình nổi rõ nét ở những sản phẩm tự tay họ làm ra nh- : dệt vải, thổ cẩm, vỏ chăn, túi, mũ, khăn. Qua trang phục và đồ trang sức đều là những vật quý báu mà do chính bàn tay họ làm ra. Chủ yếu dùng để đáp ứng nhu cầu đời sống và để tặng nhau làm kỉ niệm và khoe sắc đẹp.

-ẩm thực:

Thức ăn chính của ng- ời Nùng Phàn Slình là gạo tẻ, gạo nếp và các loại rau xanh giản dị, đạm bạc. Gạo tẻ là l- ơng thực chính đ- ợc dùng trong bữa ăn hàng ngày, gạo nếp thì chủ yếu đ- ợc dùng trong các ngày lễ tết, hội hè, đám c- ới, đám ma. Ng- ời đồng bào cũng th- ờng chế biến món gạo thành các bánh: đồ xôi hay nấu r- ợu. Ngoài gạo ra còn có các loại ngô, khoai, sắn, đỗ, đậu, để ăn hoặc bán. Trong bữa ăn th- ờng ngày có rau xanh do tự trồng hoặc hái ở rừng nh- nấm, măng, rau ngót. Ngoài ra th- ờng cải thiện bữa ăn là cá, thịt gà, lợn, vịt, chim.

Đồng bào không ăn thịt trâu, bò vì họ quan niệm con trâu , con bò là những con vật thiêng nên không đ- ợc ăn thịt. Trong những ngày lễ, đám c- ới thì có các món thịt lợn quay, khau nhục là những món ăn đặc sản của đồng bào. Thức uống là n- ớc đun sôi và r- ợu; n- ớc đun sôi đ- ợc uống hàng ngày còn r- ợu thì uống vào các ngày lễ tết và tiếp khách quý. Ng- ời đàn ông hay hút thuốc lá, thuốc lào; phụ nữ có tuổi hay ăn trầu.

Ph- ơng tiện vận chuyển:

Ở địa hình đồi núi đi lại khó khăn nên đồng bào th- ờng dùng các ph- ơng tiện vận chuyển chủ yếu là: xe trâu, xe cút kít.

Những đồng bào ở gần sông, hồ thì có thuyền vận chuyển, ngày nay có xe đạp và xe máy.

-Đồ đựng khi vận chuyển : sọt, túi vải, đòn gánh, quang gánh, bao tải.

Những công cụ, ph- ơng tiện này chủ yếu do những bàn tay ng- ời dân tự làm từ các loại nguyên liệu nh- gỗ, tre, nứa.

* ***Văn hóa tinh thần (phi vật thể)***

Ngoài những đặc tr- ng văn hóa vật chất kể trên, ng- ời Nùng Phàn Slình cũng nh- các dân tộc khác trong huyện Lục Ngạn cũng có những nét văn hóa tinh thần đặc sắc.

-Lễ hội:

Những ngày lễ tết chính trong năm :

Tết Nguyên Đán (*Nen bớn lạp*): Đồng bào ăn tết Nguyên Đán từ ngày 25 tháng Chạp đến hết rằm tháng Giêng. Từ ngày 25 trở đi các gia đình bắt đầu tổ chức mổ lợn và họp mặt gia đình những ngày cuối năm, con cháu tập trung đông đúc vì họ quan niệm những ngày tết có đông con cháu về sum họp gia đình thì ăn tết năm ấy sẽ đ- ợc coi là to và vui vẻ, hơn nữa ngày 30 tết thì nhà nào phải về nhà ấy để ăn riêng chứ không đ- ợc tập trung đông đủ nên phải tổ chức sớm nh- vậy để gặp đ- ợc đầy đủ anh em họ hàng,con cháu. Mọi

ng- ời gặp nhau hỏi thăm chuyện làm ăn và sức khỏe, đồng thời cũng chúc những ng- ời lớn tuổi nh- ông, bà, cha mẹ có sức khỏe để con cháu đ- ợc có hiếu. Còn ông, bà ,cha, mẹ thì chúc các con cháu có nhiều may mắn và thuận lợi, khỏe mạnh, đoàn kết.

Ngày 30 Tết mọi ng- ời đều làm lễ cúng tổ tiên cùng về ăn tết với con cháu và xin tổ tiên phù hộ cho con cháu gặp điều tốt lành. Ngày 30 các gia đình dựng cây nêu, dán giấy đỏ ở bàn thờ, cửa nhà, cột nhà, cây ăn quả, chuồng trại. Đồng bào quan niệm màu đỏ đem lại sự may mắn nên công việc dán giấy đỏ nh- là tắm mát cho mọi thứ để sang năm mới tất cả đều may mắn và phát triển thuận lợi.

Ngày mồng 1 ng- ời Nùng Phàn Slình không đ- ợc đi ra khỏi nhà hoặc lên nhà khác chơi vì theo đồng bào thì ngày mồng 1 là ngày chuyển giao quan trọng, liên quan đến cả năm đó, có thể đem lại may mắn đến cho cả năm, cũng có thể đem đên xui xẻo cho cả năm. Nên nhà nào có ng- ời con trai đến nhà chơi mồng một mà ng- ời đó khỏe mạnh và thành đạt thì báo hiệu cho gia đình năm đó sẽ gặp nhiều may mắn và thành đạt.

Từ ngày mồng Hai Tết, đồng bào mới đi chúc tụng, hỏi thăm nhau, đồng thời những ngày sau đó thanh niên nam nữ rủ nhau đi chợ nh- chợ Chũ, chợ Biển Động, chợ Biên Sơn, chợ Tân Sơn để vui chơi, ca hát, tìm hiểu lẫn nhau.

+Tết mồng3 tháng 3 (nen xổ slám - tết thanh minh) Tết này đồng bào đi tảo mộ và cúng xôi ba màu, gà và thịt lợn.

+Tết mồng 6 tháng sáu (*nen xổ lọc)* là tết xuống đồng: đồng bào cúng thịt gà, thịt lợn.

+Ngày 14 tháng bảy (tết xá tội vong nhân, *nen bơn chét shíp shi*) đồng bào cúng bằng thịt vịt và bánh vắt vai.

+Ngày 10 tháng m- ời tổ chức ăn mừng cơm mới, gồm thịt gà, thịt lợn và bánh dày.

Trên đây là các ngày lễ tết chính trong năm của đồng bào Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn th- ờng đi kèm với các ngày lễ tết là những phiên chợ tình: chợ tình Tân Sơn, chợ tình Biên Sơn. Đồng bào Nùng Phàn Slình cũng tham gia vào các ngày hội đ- ợc tổ chức hàng năm nh- hội Từ Hả đ- ợc tổ chức vào ngày 6,7,8 tháng Giêng ở Hồng Giang, Hội văn hóa các dân tộc huyện ngày 18 tháng hai và nhiều ngày hội khác.

Đồng bào đến với các phiên chợ, ngày hội chính là để gặp bạn bè, ng- ời yêu và tìm hiểu nhau. Là môi tr- ờng chính để diễn x- ớng tốt cho các cuộc hát sli của thanh niên nam nữ Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn.

-Quan hệ dòng họ và gia đình:

Ng- ời Nùng có mối quan hệ dòng tộc họ hàng rất rõ ràng và chặt chẽ mật thiết.

Gia đình của ng- ời Nùng th- ờng chỉ có hai thế hệ cùng chung sống vì khi con cái lớn lên, xây dựng gia đình th- ờng đ- ợc bố mẹ cho ra ở riêng để ổn định và có điều kiện phát triển kinh tế. Mỗi gia đình ng- ời Nùng tr- ớc đây th- ờng sinh từ 5 -7 ng- ời con. Đồng bào quan niệm rằng đẻ nhiều để chúng nó có anh có em. Đến nay cùng với sự phát triển của xã hội, trình độ văn hóa của ng- ời Nùng đã đ- ợc nâng cao, đồng bào đ- ợc tiếp cận với khoa học, ngành văn hóa thông tin tích cực tuyên truyền cho nên tỉ lệ sinh đã giảm đáng kể trong các hệ gia đình ng- ời Nùng.

Trong gia đình ng- ời Nùng theo chế độ phụ hệ, mọi việc lớn đều do ng- - ời chủ là ông, cha, anh quyết định nh- làm nhà, cới xin, ma chay đều do ng- ời đàn ông chỉ đạo. Bậc con cái phải nghe lời ng- ời lớn tuổi nh- ông, bà, cha, mẹ.

Th- ờng khi con cái còn nhỏ thì ở cùng với bố me, khi lớn lên lấy vợ, lấy chồng thì ra ở riêng. Còn bố mẹ th- ờng ở với con cả hoặc con út. Có khi bố mẹ cũng ở riêng khi về già mới về ở với con cái.

Về tín ng- ỡng tôn giáo:

Ng- ời Nùng chịu ảnh h- ởng của một số tôn giáo lớn nh- Đạo giáo, Phật giáo và Nho giáo.

Về Phật giáo ng- ời Nùng không có chùa thờ Phật mà đồng bào thờ bà Quan Âm trong nhà. T- t- ởng của Phật giáo ảnh h- ởng rất sâu sắc vào đời sống tâm linh của ng- ời Nùng. Họ dạy bảo con cháu sống phải biết yêu th- ơng nhau, phải có cái tâm, cái đức. Trong tiềm thức của ng- ời Nùng cũng quan niệm số kiếp, luân hồi, nhân quả, làm việc thiện, việc phúc thì lúc chết sang thế giới bên kia sẽ sung s- ớng nơi tiên cảnh. Nếu làm điều có hại sống không có tâm thì sẽ bị lao khổ d- ới âm ty khi qua đời, đồng thời gia cảnh con cháu cũng bị vạ lây trên trần thế.

Các tôn giáo khác cũng có ảnh h- ởng đối với cộng đồng ng- ời Nùng ở Lục Ngạn nh- trong những quan niệm về số phận, đẳng cấp xã hội, trọng nam khinh nữ, tệ nạn cúng bái, ma chay, phức tạp và tốn kém, bói toán còn phổ biến trong cuộc sống hàng ngày.

-Về tín ng- ỡng: Trong mỗi gia đình ng- ời Nùng, bàn thờ gia tiên là nơi quan trọng nhất, vì thế bàn thờ gia tiên đ- ợc đặt ở vị trí quan trọng nhất của ngôi nhà. Th- ờng đặt ở gian chính giữa ngôi nhà thẳng với cửa chính vào. Trên bàn thờ ng- ời Nùng thờ theo đời, th- ờng là ba đời, mỗi đời một bát h- - ơng thứ tự từng bậc một. Bên trên bàn thờ là bàn thờ Phật bà Quan Âm. Bên ngoài cửa chính hoặc đằng sau nhà có nhà thì để bên cạnh có ống h- ơng thờ thần bảo vệ của cải mùa màng trâu bò. Bên cạnh bàn thờ tổ tiên ở bên phải có bàn thờ bà mụ, đ- ợc bên ngoại lập cho khi đứa trẻ sinh đ- ợc ba ngày.

Ngoài ra ng- ời Nùng còn thờ thổ công, thờ Táo Quân, nơi thờ Táo Quân đ- ợc đặt ngay cạnh bếp nấu ăn hàng ngày. Còn nếu thổ công thì mỗi bản lập một miếu và cùng nhau đi cúng. Th- ờng đặt theo thế đất của bản có thể đặt ở giữa hoặc đầu, hoặc cuối bản nh- ng chỗ thờ thổ công bao giờ cũng có cây to.

Phong tục tập quán

Phong tục tập quán của ng- ời Nùng ở Lục Ngạn có nhiều nét độc đáo.

Tập tục sinh đẻ :

Trong dân tộc Nùng, khi con dâu chuẩn bị đẻ thì bên gia đình họ nội phải báo cho họ ngoại đ- ợc biết. Khi đã sinh xong, nếu là con trai thì chồng cô gái mang đến con gà trống nếu là con gái thì mang đến con gà mái cùng một chai r- ợu, một miếng thịt lợn đến nhà bố mẹ vợ. Tất cả những thứ này đều là đồ sống do chồng cô gái mang đến nhà bố mẹ vợ làm lễ cúng và mời chú bác của gia đình gái đến để thông báo. Đ- ợc ba buổi sáng, bên ngoại sẽ mời thầy cúng về lập bàn thờ bà mụ cho cháu.

Tập tục sinh nhật (*kín khẩn*): ng- ời Nùng coi trọng việc ăn sinh nhật hàng năm và ăn đúng vào ngày sinh nhật của mình. Tuổi càng cao thì ăn sinh nhật càng to, càng đông vui, họ quan niệm rằng đây là một dịp để giải hạn cho mình. Những ng- ời đ- ợc làm sinh nhật nam cũng nh- nữ phải có tuổi, tầm 50 tuổi trở lên mới đ- ợc tổ chức sinh nhật, tức gia đình phải có con dâu con rể, có cháu mới đ- ợc làm sinh nhật.

Trong các lễ ăn sinh nhật thì mời thầy cúng về để cúng giải hạn cho mình và gia đình. Con cháu họ hàng trong gia đình mỗi nhà góp một con gà, một ống gạo nếp và đặc biệt là họ rất quý khách. Trong lễ sinh nhật, tổ chức lần đầu tiên thì gia đình đi mời tất cả họ hàng, còn khách không mời những ai biết thì đến và đ- ợc gia đình đón tiếp rất chu đáo. Những năm tiếp theo thì không phải mời, con cháu cũng nh- khách tự đến. Còn khách ăn xong có thể mừng gia đình tiền, gạo hoặc gà.

Đặc biệt những ng- ời con gái đã đi lấy chồng, khi ông bà ngoại làm sinh nhật thì con rể thay nhau mang lễ đến. Ví dụ năm nay ng- ời rể này lấy thì sang năm ng- ời rể khác lấy và cứ thế thay phiên nhau.

Lễ bao gồm một con lợn quay chừng 50kg, 10 lít r- ợu và 20-30 chiếc bánh dày nhuộm đỏ để mừng sinh nhật cho cha mẹ của mình.

Ngày nay, đồng bào Nùng vẫn duy trì việc tổ chức lễ mừng sinh nhật cho ng- ời già có tuổi.

-Việc c- ới hỏi:

C- ới hỏi là một việc vô cùng quan trọng trong chu kỳ vòng đời của ng- - ời Nùng, nó khẳng định sự tr- ởng thành của một con ng- ời đã đ- ợc cộng đồng xác nhận. Trong những năm 1950-1960 trở về tr- ớc, con trai 16 -17 tuổi, con gái 13 -14 tuổi là đã đ- ợc gia đình chuẩn bị cho việc dựng vợ, gả chồng. Nay thực hiện theo luật hôn nhân gia đình, việc tảo hôn của ng- ời Nùng đã đ- ợc ngăn chặn. Với ng- ời Nùng, việc c- ới xin th- ờng do cha mẹ tìm cho con. Vai trò của ông mai bà mối là vô cùng quan trọng vì họ có trách nhiệm lo tất cả mọi công việc cho một đám c- ới từ lúc gặp mặt cho đến khi đón đ- ợc dâu về.

Sau khi đã tìm đ- ợc những đôi vừa ý, ng- ời làm mối xem lá số của cô gái về nhà thầy xem hộ(thầy cúng). Lễ xin lá số của cô gái phải có một lễ gồm: một chai r- ợu, 1kg thịt lợn, một gói bánh kẹo.

+*Lễ so tuổi:* là b- ớc mà gia đình cùng bà mối nhờ thầy cúng xem hộ lá số của cô gái xem có hợp với chàng trai hay không và gia đình nhà trai hay không. Lễ vật mang theo đến nhà gồm một chai r- ợu, 1kg thịt lợn, những thứ này đ- ợc làm và ăn luôn tại nhà thầy.

+*Lễ báo hợp (pào mịnh hởm)*: Lễ vật mang theo là bánh kẹo, một chai r- ợu, 1kg thịt lợn, 1 con gà trống thiến, do bà mối mang sang và báo cho nhà gái là số hai đứa đã hợp nhau rồi. Sang xin nhà gái có đồng ý hay không, nếu đồng ý thì bà mối phải báo cho nhà trai chuẩn bị làm lễ đặt gánh.

+*Lễ đặt gánh (khà cay tón)* th- ờng sau một tháng mới mang lễ sang, vì trong thời gian đó để nhà gái cũng nh- nhà trai suy nghĩ kỹ hai bên có đồng ý không. Lễ vật đặt gánh bao gồm: một đôi gà sống thiến, một thủ lợn (hoặc một đùi lợn) tầm 4-5kg, vài lá trầu, dăm ba quả cau do chú rể và các bạn chú

rể mang sang. Đây cũng là dịp để thăm nhà, thăm cô dâu. Trong b- ớc này nhà gái cũng đ- a ra những yêu cầu của gia đình mình để nhà trai thỏa thuận.

Nh- ng- ời Nùng Phàn Slình thì nhà gái đòi nhà trai phải đi đủ ba cái lễ vào các dịp: mồng 3 tháng Ba, mồng 6 tháng Sáu và 14 tháng Bảy, thì mới đ- ợc c- ới.

Khi đón dâu nhà trai phải xem giờ cho cô dâu vào nhà. Đoàn đón dâu th- ờng có 9, 10 ng- ời. Số ng- ời đ- a bên nhà gái cũng nh- vậy. Khi về nhà chồng cô dâu phải lễ tổ tiên để trình ma, thầy cúng làm lễ buồng cô dâu, cô dâu sẽ dùng bữa mà thầy cúng vừa làm lễ trong buồng, mâm lễ này gồm 7 bát úp 7 đôi đũa, cô dâu dù ăn hay không ăn cũng phải lật bát và khoắng đũa vào 7 bát úp đó. Nhà gái đ- ợc nhà trai mời cơm r- ợu. Ăn xong nếu ai biết hát thì hát còn không thì giải tán tại đây. Sáng hôm sau chú rể cùng 3 - 4 ng- ời bạn thân về nhà gái lại mặt.

+*Lễ lại mặt* (*thọi hoi*): gồm một con gà, một chai r- ợu, một cỗ xôi đ- ợc đựng bằng giá. Sang nhà gái, gia đình làm cơm để mọi ng- ời cùng ăn. Cô dâu chú rể ăn cơm tr- a xong phải về nhà trai tr- ớc khi trời tối.

Đối với ng- ời Nùng gia đình hai bên thông gia có mối quan hệ với nhau rất mật thiết. Luôn có mặt khi một trong hai bên gia đình có việc.

-Tang ma:

Gia đình có ng- ời mất, việc tr- ớc tiên là bố trí ng- ời đi mời thầy cúng. Ng- ời đi mời thầy cúng phải là con trai trong gia đình. Khi đến nhà thầy cúng phải mang theo một bò gạo tẻ đến nhà thầy cả nhờ thầy cả báo các thầy khác đến giúp (th- ờng phải có từ 3 đến 5 ng- ời trong đó có một thầy cả còn lại là phụ). Ng- ời con trai đến nhờ thầy, quỳ tr- ớc cổng nhà thầy khi nào thầy mang ghế ra cho ngồi mới đ- ợc ngồi, nếu thầy cho vào trong nhà mới đ- ợc vào. Khi thầy đồng ý thầy cho gánh chiêng , mõ về tr- ớc.

Khi bố mẹ chết con trai cả phải cầm kiếm ngồi trực ở bên ng- ời chết còn lại anh em họ hàng đi báo cho mọi ng- ời đến giúp.

Khi thầy cúng đến nhà ng- ời chết, ng- ời ta sẽ gánh chiêng trống đi một vòng quanh nơi ng- ời chết nằm rồi mới đặt xuống. Gia đình tang chủ cho thầy một cái gi- ờng ở một góc nhà để cho thầy ngồi. Thầy cúng đến nhà, tất cả con trai con gái, con dâu phải quỳ từ giữa nhà ra cửa để thầy cả buộc dây (làm bằng giấy bản) vào đầu cho họ.

Đám ma của ng- ời Nùng đ- ợc coi là vô cùng quan trọng, ng- ời ta phải xem giờ cho ng- ời chết vào quan tài, xem giờ đ- a đi chôn, xem giờ đặt xuống huyệt, những ng- ời là con cháu của ng- ời quá cố hoặc những ng- ời trong làng có tuổi sát với nhà ng- ời chết (không hợp tuổi với ng- ời chết) phải lánh mặt đi chỗ khác, khi ng- ời nhà niệm và cho vào quan tài xong mới đ- ợc về nhà. Thầy cúng sẽ viết sớ cho ng- ời chết.

Tr- ớc khi làm các thủ khác cho đám tang, thầy cúng dẫn cả gia đình ra suối hoặc ao hồ gần đó để lấy n- ớc về rửa mặt cho ng- ời chết và làm thủ tục gọi hồn cho ng- ời chết (tr- ớc đó khi ng- ời đã chết thì con cháu đun n- ớc lá thơm rồi thay quần áo cho ng- ời chết rồi). Khi đã gọi đ- ợc hồn ng- ời chết nhập vào quan tài, thầy ra hiệu cho con cháu khiêng ng- ời chết vào quan tài. Thầy cúng sẽ tự tay phát khăn tang cho con trai, con dâu và con gái. Các cháu do ng- ời thân trong nhà tự phát lấy.

Đám tang của ng- ời Nùng th- ờng diễn ra trong 3 ngày. Khi quan tài còn ở trong nhà thì đầu ng- ời chết quay vào trong, chân quay ra ngoài. Khi khiêng quan tài đi chôn thì ra đến hết sân mới quay đầu về phía tr- ớc để ma nhìn lại lần cuối sau nhớ đ- ờng mà về với con cháu.

Ng- ời Nùng có tục khi bố, mẹ mất các con trai của ng- ời chết góp tiền lại mua một con lợn để làm ma cho cha, mẹ. Lợn này thịt phải để cả con đặt dọc theo ng- ời chết để thầy cúng làm lễ xin phép ng- ời chết cho con cháu đ- ợc ăn thịt, ăn mỡ. Chỉ khi thầy cúng làm lễ xong con cháu mới đ- ợc ăn thịt , ăn mỡ. Ông thầy làm nhiệm vụ cúng từ sáng đến tối. Các lễ cúng hồn ng- ời chết đ- ợc thầy cúng sắp xếp lần l- ợt từ các con trai, hết các con trai

mới đến lễ của các con gái. Theo tục lệ của ng- ời Nùng, các con gái đã đi lấy chồng khi cha mẹ mất phải lễ một cây tiền và một con lợn, một con gà, một giá xôi do chàng rể mang sang để thầy cúng làm lễ cho cha, mẹ. Tiếp đó là lễ cháu gái bên nội đã đi lấy chồng mang về lễ một cây vàng, hoặc một cây bạc làm bằng giấy màu xanh, đỏ, trắng, vàng, tím và xôi gà. Sau những lễ đó mới đến những lễ của họ hàng, thông gia, hàng xóm, thôn làng.Họ bên ngoại của ng- ời chết phải sắm một lễ gồm một con ngựa làm bằng giấy cùng với một con gà, một cỗ xôi mang đến để thầy làm lễ. Cứ tuần tự nh- vậy cho đến khi hết lễ thì thôi.

Trong đám tang của ng- ời Nùng là cứ ba mai mới mang đi chôn, quan tài đ- ợc để trong nhà đến ngày thứ 3 mới đem đi chôn. Khi khiêng quan tài từ trong nhà ra khỏi cổng các con trai, con gái, con dâu phải năm sấp 3 lần, một ng- ời nằm quay đầu vào thì ng- ời kia nằm quay đầu ra với ý nghĩa để cõng bố hay mẹ ra đồng vì khi con bé họ đã đ- ợc bố mẹ cõng trên l- ng để làm n- ơng rẫy thì nay bố mẹ về già thì họ muốn đ- ợc cõng bố mẹ lần cuối. Trong đám tang, phải có một mâm lễ bao gồm một thủ lợn, một chai r- ợu, hai cái chén do hai con gái của ng- ời chết gánh đi. Những thứ này sẽ dùng đến sau khi lấp huyệt, để các con cháu lần l- ợt rót mời ng- ời chết. Đi đầu trong đám tang là các chàng rể vác cây tiền, cây bạc, cây vàng đi tr- ớc vài phút để ra dựng tr- ớc mộ, lúc đ- a quan tài xuống huyệt các cô con gái là chủ của các cây tiền đó đến khóc cha, mẹ rồi gọi hồn ng- ời chết về nhận cây xong mới đốt. Con dâu hoặc con gái cầm bát h- ơng đi sau. Trên bát h- - ơng có cắm một chiếc que có gắn tờ giấy ghi tên tuổi của ng- ời chết, một ng- ời mang tấm ảnh của ng- ời chết. Sau đó là tất cả những ng- ời thân thuộc, họ hàng, làng xóm. Lúc đ- a ma ra khỏi nhà gia đình phải mang theo một bát h- ơng, một quả trứng, một cái cốc và liềm đặt trong đôi quang gánh để chôn cùng quan tài cho ng- ời chết để khi xuống đó ng- ời chết có đồ dùng mà làm n- ơng rẫy. Khi chôn xong, tất cả mọi ng- ời quay về nhà tang chủ ăn cơm.

Bát h- ơng mang theo khi đi chôn cũng đ- ợc mang về đặt ở cạnh bàn thờ trên một cái bệ cao chừng 40cm và đây cũng là nơi để thắp h- ơng và cúng cơm hàng ngày cho ng- ời chết trong 3 tuần lễ. Hàng ngày, đến bữa ăn, gia đình ăn gì thì lại cúng cho ng- ời chết thứ đó. Đ- ợc 21 ngày thì gia đình không cúng cơm nữa mà mời thầy cúng đến lập một nhà táng 2 hoặc 3 tầng đ- ợc trang trí bằng giấy màu xanh đỏ rất đẹp đặt cạnh bát h- ơng thờ là thầy cúng làm lễ mời hồn ng- ời chết vào ở trong ngôi nhà táng đó. Từ sau khi làm lễ, đồng bào chỉ thắp h- ơng vào ngày rằm, mồng 1 hàng tháng.

Ng- ời Nùng ở Lục Ngạn không cúng 3 ngày, 49 ngày và 100 ngày và họ cũng chỉ để tang cha mẹ trong vòng 1 năm đó. Dù chết ở thời điểm nào đầu năm hay cuối năm thì cứ gần tết Nguyên Đán là gia đình làm lễ tuột tang vì đồng bào quan niệm rằng để sang năm sau là không tốt cho cả gia đình. Ng- ời Nùng ở Lục Ngạn cũng có lệ cải táng cho ng- ời chết. Việc xem đất để đặt mả, xem ngày giờ để đặt mả đ- ợc đồng bào coi trọng. Việc cải táng của ng- ời Nùng cũng giống nh- ng- ời Việt (Kinh).

CH□ƠNG 2

TỤC HÁT SLI CỦA NG□ ỜI NÙNG Ở LỤC NGẠN

Làn điệu sli (soong hao) của Ng- ời Nùng Phàn Slình nói chung cũng nh- ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn nói riêng là một loại hình Văn hoá dân gian truyền thống đã có từ lâu đời. Trải qua các thời kỳ lịch sử, nó đ- -ợc tiếp nối và l- u truyền bởi nhiều thế hệ. Nó trở thành một loại hình nghệ thuật dân gian kết tinh những tinh hoa văn hoá của dân tộc qua nhiều thời đại. Đó là một thế loại dân ca trữ tình, một hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian phong phú, hấp dẫn của ng- ời Phàn Slình.

Hát sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phán Slình ở Lục Ngạn là lối hát đối nam nữ gần giống nh- hát ví, hát trống quân, hát quan họ của ng- ời Việt Bắc Bộ và các làn điệu hát l- ợn của ng- ời Tày, slình ca của ng- ời Cao Lan hay Soóng Cộ, ng- ời Sán Chí. Mỗi bài ca là một bài thơ đ- ợc viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt hay lục bát. Với nội dung phong phú và đa dạng đ- ợc phổ biến rộng rãi cho mọi đối t- ợng và đ- ợc hát lên trong nhiều hoàn cảnh khác nhau (khi lao động, sinh hoạt gia đình, phong tục nghi lễ hay hội hè, bày tỏ tình yêu).

2.1. Nguồn gốc tục hát sli

Đất n- ớc ta với 54 dân tộc, đ- ợc ví nh- 54 bông hoa trong một v- ờn hoa. Mỗi một tộc ng- ời đều có một sắc thái đặc thù của riêng mình. Khi nói đến ng- ời Phàn Slình không ai không biết đến làn điệu hát sli (soong hao). Đó chính là nét văn hoá đặc sắc của một tộc ng- ời. Bởi sli (soong hao) là sự kết tinh văn hoá của tôc ng- ời Nùng Phàn Slình, cũng nh- các dân tộc khác đều có tinh hoa văn hoá của riêng mình. Nhờ có làn điệu sli (soong hao) đặc tr- -

ng mà ng- ời Nùng Phàn Slình nói chung và ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn nói riêng đ- ợc toả h- ơng khoe sắc trong v- ờn hoa dân tộc.

Vì hát sli (soong hao) là một loại hình nghệ thuật dân gian xuất hiên từ rất lâu đời nên khó có thể biết chính xác về nguồn gốc và thời gian xuất hiện. Theo nghệ nhân Vi Văn Thánh, hát sli (soong hao) bắt nguồn từ truyền thuyết sau:

Ngày xửa ngày x- a, có một dòng sông mang tên *Sông Tình Yêu*. ở đó phong cảnh đẹp nên thơ, n- ớc trong xanh, cỏ cây hoa lá, chim bay b- ớm l- ợn đẹp mê hồn. Trên dòng sông ấy, bấy lâu nay vẫn yên tĩnh, mọi loài vật chung sống với nhau hoà thuận, sum vầy.

Thế rồi vào một ngày xuân đẹp trời, bỗng một nàng tiên giáng trần và mở hội kén rể. Nàng có tài hát sli, hay đến nỗi cây cối, chim muông đều im lặng lắng nghe. Trai tráng trong làng không ai là không mê nhan sắc tuyệt trần và giọng hát tuyệt vời của nàng. Nếu chàng trai nào hát sli thắng nàng thì nàng sẽ lấy làm chồng.

Trong hội kén rể, ba chàng trai tài năng nhất làng đứng ra xin thi tài. Chàng thứ nhất là ng- ời đứng đầu họ Ch- ơng " Slinh Ch- ơng". chàng thứ hai đứng đầu họ Sình " Slinh Sịch". còn chàng thứ ba là ng- ời đứng đầu họ Lý " Slinh Lý".

Ba chàng quyết tâm tìm hiểu và sáng tác sli để hát đối đáp với Tiên nữ. với trí thông minh của những ng- ời đứng đầu dòng họ, chẳng bao lâu sau, ba chàng đến tr- ớc Tiên nữ và bắt đầu thi tài.

Tiên nữ nở nụ c- ời và hỏi:

- Anh đến tr- ớc tên là gì? (báo ma cón hét slinh cá lẳng)

- Anh đến sau tên là gì? (Báo ma nem hét slinh cá lẳng)

Ba chàng trai lần l- ợt trả lời:

Anh họ Ch- ơng trả lời: Báo slinh ch- ớng

Anh họ Sình trả lời: Báo slinh sịch

Anh họ Lý trả lời: Báo slình lỹ

Nàng tiên lại hỏi lần l- ợt từng ng- ời:

Hỏi anh họ Ch- ơng: Slinh ch- ớng văn văn lơ pểu hài

Hỏi anh họ Sình: Slinhh sịch văn văn xắp lạng vai

Hỏi anh họ Lý: Slinh lỹ văn văn slí pợn hải

Tạm dịch:

- Chàng họ Ch- ơng, ngày nào anh cũng dạo chơi trên sông để làm gì?

- Chàng họ Sình, ngày ngày sửa chuồng trâu để làm gì?

- Chàng họ Lý, ngày ngày ca hát làm bạn với trăng để làm gì?

Dù cả ba chàng đều rất giỏi hát đối đáp nh- ng vẫn không thể thắng đ- ợc tiên nữ. Cuối cùng ba chàng đành xin thua và quay về tiếp tục học hỏi, luyện tập say mê, đều đặn và hy vong một ngày kia Tiên nữ sẽ trở lại.

Từ đó làn điệu sli ra đời và l- u truyền cho đến ngày nay.

Nh- vậy theo lời kể trên làn điệu sli đã có từ xa xa. Nó là điệu hát do tiên nữ ban cho. Sự l- u truyền, sáng tác và phát triển của nó gắn liền với tên tuổi của ba chàng trai họ Ch- ơng, họ Sình và họ Lý.

Mọi ng- ời gọi *Sảo Slí* là tìm và sáng tác, gợi nhớ lại công việc của ba chàng trai. Sli là thuật ngữ ra đời gắn liền với truyền thuyết nói trên. Các thuật ngữ này cho đến nay vẫn đ- ợc sử dụng. Điều này có điểm hợp lý với đặc điểm của lối hát sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình x- a và nay.

Trong thực tế gắn với thức tế của ng- ời Nùng Phán Slình ở Lục Ngạn thì sli đ- ợc hình thành trong cuộc sống lao động, đấu tranh cải tạo tự nhiên, đấu tranh xã hội, cố kết cộng đồng, nó có khả năng phản ánh nhiều lĩnh vực của cuộc sống nh- lao động, tâm t- , tình cảm, tín ng- ỡng khát vọng tự do, đạo đức, lối sống con ng- ời.

Bởi sli là một hình thức hát đôi (soong hao) nghĩa là khi hát phải có cả 2 ng- ời nam và nữ. Điều này dễ nhận thấy ở ý thức cố kết cộng đồng của dân

tộc ít ng- ời, đ- ợc thể hiện ở mức độ cao ngay cả trong đời th- ờng và hội hè. Ví nh- ta thấy, khi gặp một tốp thanh niên nam nữ đi chợ, mặc trang phục thống nhất, giống nhau từ kiểu quần màu áo và cách vấn khăn đến những đồ trang sức đeo trên ng- ời. Do tâm lý hoà đồng, họ ngại mặc những đồ nổi bật khác th- ờng nên luôn cần ng- ời có trang phục giọng nói t- ơng tự để hỗ trợ mình.

Thứ hai là đồng bào th- ờng sống ở nơi rừng núi heo hút, đặc biệt là ngày x- a, khi ấy nhiêu bất trắc rình rập uy hiếp, qua rừng lo hổ rắn, đến chỗ đông ng- ời sợ họ bắt nạt. Thanh niên đi xa làm việc gì cũng đều rủ ng- ời đồng hành tối thiểu cũng cần một ng- ời bạn đ- ờng. Ng- ời Nùng gọi là " Páy tô pạu", dịch nghĩa là "đi phù". giống như " pạu khơi" nghĩa là "phù rể". Tộc ng- ời càng ít, bản làng càng hẻo lánh thì việc kết bạn càng trở nên cấp thiết.

Đã có ng- ời cùng đi, gặp trai gái bản lạ mắt tính chuyện làm quen bằng nhiều hình thức. trong đó có ca dao và hát. Khi đó bên này cũng nh- bên kia đều phải hỗ trợ nhau để giải quyết tình thế. Từ đó hình thức hát đôi hay còn gọi là sli (soong hao) ra đời.

Hình thức hát đôi tạo thuận lợi cho việc làm quen dễ dàng thuận lợi. Giả dụ hôm nay làng này có hai bạn nữ đến chơi, trai làng mời hát, cô gái ngại ngùng có thể nhờ sự trợ giúp của một cô gái khác trong bản. Ban đầu giọng cao, sau giọng thấp hơn. Đến hồi cao trào, cô gái bản có thể trao hẳn cho khách, khi đó hai nữ khách kia sẽ hát đến cùng.

Do tính chất bắt đầu nh- vậy, việc làm quen diễn ra nhanh chóng. Đôi bạn nhận giọng nhau có thể trở nên thân thiết, đi đến kết " Tồng". "Tồng" Là hình thức nhận bạn đồng canh, kiểu nhận bạn này không cần sánh về tuổi tác mà vẫn thân, thậm chí là thân hơn bạn cùng tuổi. Hai ng- ời sẵn sàng thân thiết hơn anh em.

Khi thực hiện đề tài này, cá nhân tôi cũng cố gắng tìm gặp một số nghệ nhân cao tuổi, có hiểu biết về lối hát sli (soong hao). Điều đầu tiên tôi tìm hiểu đ- ợc là những áng thơ văn trong ca từ mà bà con hay hát là không có tác giả. Theo nhận định của các nhà nghiên cứu văn hoá, Văn học dân gian thì đây là sáng tác của một lớp ng- ời trí thức của dân tộc Nùng mà họ không ghi tác giả. Trải qua một thời gian dài, qua nhiều thế hệ, nó đã có nhiều biến đổi.

2.2. Ngôn ngữ trong dân ca sli

Lâu nay ng- ời ta vẫn dùng thuật ngữ sli. Vậy sli là gì? Cũng có một số tác giả đề cập đến vấn đề này. Có ý kiến cho rằng sli của ng- ời Nùng là những bài văn vần, mỗi câu có 7 chữ, một bài có 4 đến 8 câu, có bài dài tới trăm câu.

Có nhiều tác giả, nhiều giả thiết giải thích theo ngữ nghĩa của từ sli. có ý kiến cho rằng sli tức chữ " thi" (đọc theo âm tiếng Nùng), nghĩa là khúc văn gồm nhiều âm ngắn có vần, có âm điệu theo những quy tắc nhất định. Hát sli là hát thơ. Ng- ời x- a làm thơ để hát và để thoả mãn nhu cầu ca hát, họ làm thơ.

L- ợn là hát s- ớng. Có ý kiến cho rằng *sli - l- ợn* (trong đó có thơ và hát) có nghĩa là: " hình thức sinh hoạt văn hoá của người Nùng Phàn Slình. Căn cứ vào các làn điệu, có ý kiến cho rằng: *sli* - l- ợn là từ Trung Quốc du nhập vào Việt Nam.

Theo quan điểm của cá nhân tôi, *sli - l- ợn* nói chung là một hình thức sinh hoạt văn hoá giống nh- lối hát giao duyên của ng- ời Việt ở đồng bằng Bắc Bộ, nh- : hát ví, hát quan họ, hát trống quân , cũng nh- hát dân ca Soóng Cộ của dân tộc Sán Chí.

Lối hát này rất độc đáo vì bao giờ cũng có hình thức hát bè, hoà thanh giọng cao, giọng thấp, không có nhạc cụ để đệm. Khi hát, ng- ời hát tự phối

bè. Điều này khẳng định chính lối hát này đã đạt đến trình độ nghệ thuật thanh nhạc và nghệ thuật hát bè rất cao.

Cũng cần bàn thêm những từ ngữ trong lối hát sli th- ờng dùng:

Sli (còn đ- ợc gọi là soong hao) vì mở đầu câu hát bao giờ cũng có từ " nhi an soong hao". Trong đó: " Nhi an" là để ng- ời hát phối bè hoà âm cho chuẩn; " soong hao" là " hai ta" hay hai ng- ời cùng hát. " Nhi an soong hao" giống nh- một từ chìa khoá để ng- ời hát hát đ- ợc đúng, không bị chệch giọng và hoà thanh đ- ợc chuẩn để khi hát vào bài chính các bè của hoà âm không bị lệch lạc và sai về giọng. Bài hát hay hay không phụ thuộc vào ng- ời hát cũng nh- lúc lấy giọng của từ " nhi an" hay " nhi an soong hao".

Pẹc hạc: nghĩa là chim Cò Trắng. Trong hát sli, hình t- ợng chim Cò Trắng đ- ợc dùng để ví ng- ời con gái. Với ý niệm, ng- ời con gái hát sli là ng- ời rất thanh cao, đáng giá và đ- ợc ng- ời con trai quý trọng, yêu mến.

A nhinh cũng có nghĩa là ng- ời con gái

Slím có nghĩa là Trái tim.

Nhọi m- ng: dùng để chỉ bên đáp

Sở này: dùng để chỉ bên đối

2.3. Diễn x- ớng sli

Nói đến dân ca sli - l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình nói chung cũng nh- ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn nói riêng, nó vô cùng phong phú và đa dạng. Có tới hàng nghìn bài hát cộng thêm trong khi hát nh- hát giao duyên " sli boóc" theo nguồn cảm hứng ng- ời hát có thể sáng tác ra nhiều câu hát hoặc khổ hát mà chính ng- ời hát cũng không thể nhớ hết và kể hết đ- ợc. Qua khảo sát và nghiên cứu, ng- ời viết đ- ợc biết có những thể loại chính sau:

- *Sli -l- ợn b- ơn chêếng (hát về tháng giêng, tháng hai)*

- Sli-l- ợn túc lộ (hát ở dọc đ- ờng)

- Sli-l- ợn khẩu bản (hát trong làng bản)

- Sli-l- ợn kin lẩu (hát trong lúc uống r- ợu)

- Sli-l- ợn phải (hát chào hỏi, chúc tụng)

- Sli-l- ợn hài (hát về trăng sao)

- Sli-l- ợn đeo đi (hát dặn dò)

- Sli-l- ợn đíp (hát về tình yêu nam nữ)

- Sli-l- ợn thạn (nhận tự sự)

- Sli-l- ợn cồ mự (hát kể chuyện cổ).

Các thể loại hát nói trên đ- ợc ng- ời dân hát và diễn x- ớng trong cái không gian và thời gian, môi tr- ờng khác nhau ứng với từng thể loại nh- hát trong lao động, trong gia đình, phiên chợ, hội hè, lễ tết. Trong đó có hai hình thức diễn x- ớng chính đó là hát giao duyên đối đáp ban ngày và hát giao l- u đối đáp ban đêm.

Do điều kiện thời gian không cho phép nên tôi cố gắng nghiên cứu và đi sâu vào hai hình thức chính nói trên. Còn lại xin đ- ợc giới thiệu qua.

* Hát trong lao động:

Có thể nói rằng dân ca sli-l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình, những bài ca ca ngợi công việc của ng- ời dân chiếm một tỷ lệ không lớn nh- ng cũng tạo ra một hình thức diễn x- ớng riêng: Hát trong lao động. Về ph- ơng diện nội dung, những bài ca này th- ờng ca ngợi và nói về những công việc của ng- ời trồng lúa, chăn nuôi, hái quả, đốn củi, săn bắn và tìm chỗ làm nhà cửa, chuồng trại chăn nuôi.

Hình thức diễn x- ớng này thuộc sli-l- ợn tự sự có thể hát một mình, hoặc hát đôi, hát nhóm. Hát một mình khi ng- ời dân đi đốn củi, hay tìm gỗ làm nhà.

Chẳng hạn:

Văn này páy đóng chiêu mạy hơn

Mạy hơn cháng đóng kê bồ slêu

Het tô đày cố mạy dáy

Het tô đày cố mạy lòi

Mạy lòi áu ma hết cọc slếu

Mạy dáy áu ma hết tu tang

Het tô đày ắn hơn đáy

Het tô đày ắn hơn măn.

Tạm dịch:

Đi rừng chọn gỗ làm nhà

Gỗ làm nhà trong rừng già không thiếu

Cố tìm lấy cây gỗ tốt

Gỗ tốt thì trong cây mới có lõi

Cây lõi lấy về làm cột

Cây tốt lấy làm cửa sổ, cửa chính

Sao cho đ- ợc ngôi nhà đẹp

Hãy làm cho ngôi nhà thật chắc chắn.

Trong quá trình lao động ng- ời Nùng Phàn Slình ở đây th- ờng ca hát với nhau trong những giờ giải lao, tạo sự h- ng phấn quên đi mệt mỏi nhờ đó mà năng suất lao động tăng lên.

* Hát trong nghi lễ:

Hát sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình không chỉ có trong sinh hoạt lao động hay những ngày hội, giao duyên nam, nữ mà nó còn đ- ợc ng- - ời dân hát trong các dịp nghi lễ nh- đám c- ới, tang ma, lễ sinh nhật.

- Hát trong đám c- ới (*sli l- ợn Cổ Lẩu*) theo điều tra chúng tôi đợc biết hình thức hát sli-l- ợn, Cổ lẩu có khoảng 250 bài. Những bài hát này chỉ đ- ợc hát trong đám c- ới.

- Hát *Cổ Lẩu* là tục lệ không thể thiếu ở mỗi đám c- ới của ng- ời Nùng tr- ớc đây. Khi một gia đình trong bản có đám c- ới, ngoài việc chuẩn bị về vật chất thì việc chuẩn bị ng- ời hát cũng rất quan trọng. Theo gia đình của dân tộc Nùng, khi nhà trai và nhà gái chọn phù dâu và phù rể, ngoài việc lựa chọn về ngoại hình, về bản thân, gia đình, thì những ng- ời này còn phải hát hay và thuộc nhiều bài hát mới cầm chắc phần thắng.

Trong đám c- ới của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn, khi đoàn đón dâu đến cổng nhà gái, nhà gái đã mang sẵn hai chiếc ô, một ghế băng dài, một chiếc bàn nhỏ. Trên bàn đặt một chai r- ợu, một ấm trà cùng bốn chiếc chén đặt chắn lối đi, tr- ớc tình cảnh ấy bắt buộc phái đoàn đón dâu phải ngỏ lời đàm phán; có nhiều bài để đàm phán chẳng hạn nh- :

Cồ khặm tú vện

Pẹc hạc bén sả slúng
Nọc dung bén sả tẳm
Bén ma cả tú lống
Phóng ma cả tú vện
Mỳ chờng bọc long khảng
Mỳ chờng vá long họi
Long họi học tú nha
Long đá nọc tú vện
Ma hẳn pôn làu cắp pôn xa
Ma hẳn pôn xa cắp pôn làu
Bộ chí kỉnh khạch lộ khỉnh đái
áu slứ lai ma học
Hừ sở sím chòn đáng
Hừ sở sím chon kỉnh
Hừ sở sím kỉnh bô hú nà

Hừ sở súng sòng ti òn sửu

Súng sờng pặt ấu lái khàu tị

Khầu mơ hơn ngảng hau cọi tớn

khầu mơ hơn lống hau cọi càng

Cọi cạng càng tắc pọng văn

Soong hao càng văn đắm cọi thọi ni hớ.

Tạm dịch:

Chuyện hỏi ngoài ngõ

Cò trắng bay tầng cao

Chim Công bay tầng thấp

Bay về qua cửa rộng

Lợn về qua điến cổng

Thấy ô đẹp buông đợi

Thấy ô hoa buông chờ

Buông đợi ở ngoài cổng

Buông đợi ở ngoài cửa

Về thấy khay r- ợu với khay trà

Về thấy khay trà với khay r- ợu

ý để mời khách hay bỏ không

Lấy câu tốt về dùng

Cho mình đ- ợc yên tâm

Cho mình đ- ợc yên lành

Cho mình tâm tính không nói ra

Cho mình ung dung đ- ợc yên tĩnh

Ung dung vẫy tay mình vào nhà

Đi vào nhà ngói mình hãy tha

Đi vào nhà cao ta hãy nói

Đến mặt trời lặn ta mới đi

Khách tan ta mới về .

Cuộc hát giữa hai bên cứ diễn ra nh- vậy, hết bài này đến bài khác. Nhà trai muốn vào đón dâu thì phải hát thắng nhà gái. Mỗi lần thua họ phải uống một chén r- ợu. Nếu bị thua nhiều quá phải chịu say r- ợu từ ngoài cổng hoặc đứng nắng lâu ở ngoài trời. Trong cuộc hát này, họ hát tất cả các bài hát có ý tứ xa xôi đến cụ thể. Nếu cuộc hát diễn ra qua lâu, nhà trai không hát đ- ợc, phải xin thua nhà gái mới cho vào. Tr- ờng hợp nhà trai không hát đ- ợc mà tự ý b- ớc qua ghế băng thì coi là điềm xấu đối với đám c- ới đó.

Sau khi hát ở ngoài cổng và đ- ợc nhà gái cho phép vào, đến cửa phù rể lại hát một bài hỏi thăm mọi ng- ời. Muốn ngồi thì phải hát một bài. Muốn uống n- ớc, uống r- ợu thì phải xin phép. Chú rể vừa mời r- ợu gia đình nhà gái vừa hát chúc r- ợu, hỏi chè, mời trầu .

Chẳng hạn, bài hát về cây trầu

Cóc đáu du hạng hà

Lạc đáu du ha nọi

Kéo bốn khừn Sở Lạng

áu ọc hang ma khải

áu ma pai hang sèn

áu ma đen hang slúng

Mế hảu bờng vên mi

Cố sen dị mi lái

Sen sai dị mi tại

Chỉnh ọc hạng páy hả

Chỉnh ọc cái páy slứ.

Tạm dịch: **Bài hát cây trầu**

Cây trâu mọc từ hả

Dễ trầu ở Hà Nội

Khách buôn lên sứ Lạng

Mang ra chợ mà bán

Mang về bầy hàng thấp

Mang về bầy hàng cao

Mẹ mình ở bên kia

Tiền bạc cũng có nhiều

Tiền bạc cũng khá giả

Mới ra chợ mà mua

Mới ra quán mà sắm.

Thậm chí lúc ăn cơm cũng phải hát. Khi nhà trai đón dâu về, trên đ- ờng đi họ tiếp tục hát, họ hát khi về đến nhà trai và hát cho đến khi tan đám c- ới mới thôi.

Lề lối hát trong đám c- ới ng- ời Nùng, quy định mỗi bên chỉ có một ng- ời tham gia hát và vẫn hát theo lối đối đáp.

Sau mọi thủ tục trong đám c- ới, theo phong tục của dân tộc, nhà trai đón dâu về, cuộc hát lại tiếp tục kéo dài đến những hôm sau.

Câu chuyện của từng đôi nam nữ ng- ời Nùng vẫn dài vô tận. Còn những làn điệu sli- l- ợn của họ thì tập trung vào chủ đề muôn thủa là tình yêu đôi lứa.

- Hát mừng sinh nhật: Có trên m- ời bài

Theo phong tục của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn, sau khi chết đồng bào không làm giỗ nh- các dân tộc khác. Do vậy khi cha mẹ còn sống, đồng bào tổ chức sinh nhật cho cha mẹ mình. Việc làm sinh nhật to hay bé là tuỳ điều kiện kinh tế của mỗi gia đình, dù thế nào họ cũng mời thầy về làm lễ. Trong khi cúng, các thầy cúng hát sli - l- ợn theo lối độc diễn.

Nội dung của các bài hát này nhằm bày tỏ tấm lòng của con cái đối với cha mẹ, cầu mong cho cha mẹ sống lâu. Lối hát này hiện nay vẫn còn tồn tại trong các lễ mừng sinh nhật của ng- ời Nùng Phàn Slình.

- Hát trong đám tang (*Slí sán Vá):* Hiện còn khoảng 15 bài

Đây là loại hình phổ biến cho đến nay vẫn còn tồn tại ở trong đám tang của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn. Nội dung của những bài hát này nói lên lòng biết ơn của con cái đối với cha mẹ đã sinh thành và nuôi d- ỡng các con tr- ởng thành, cũng có khi là lời trách móc các con đã không chăm sóc cha mẹ cẩn thận để cho cha mẹ phải lìa đời. Khác với loại hình hát trong đám c- ới, hát mùa xuân hay hát ở những tháng khác trong năm, "Slí sán vá" do hai thầy cúng thể hiện. Trong lối hát này, các bài hát không nhiều lắm khoảng trên chục bài, trong đó phần hát chung cho các con khoảng 3,4 bài. Nội dung của bài hát mang tính than khóc, kể lể khi cha mẹ mất cho nên ng- - ời hát phải thể hiện đ- ợc sự xót th- ơng vô hạn của những ng- ời con đối với cha mẹ.

Qua đây ta thấy lề lối những điệu sli- l- ợn mùa xuân và các tháng khác trong năm của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn bao giờ cũng theo lối đối đáp. Khi hát mỗi bên có hai nam và hai nữ cùng hát, còn hát trong đám c- ới thì vẫn hát theo lối đối đáp nh- ng mỗi bên chỉ có một nam một nữ. Hát trong đám tang và hát mừng sinh nhật lại do thầy cúng thực hiện theo lối độc diễn. Tuy nhiên dù với lối hát nào thì trong các cuộc hát bao giờ cũng có sự xen kẽ giữa sli và l- ợn, trừ khi hát đối đáp giao duyên nam nữ ở chợ tình thì l- ợn hầu nh- không có.

Hát sli trong lao động sản xuất, hay trong lễ c- ới xin của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn luôn mang đậm yếu tố văn hoá nhân văn sâu sắc, nó có giá trị về nghệ thuật không chỉ về thanh nhạc mà nó còn mang giá trị văn học, trí thức dân gian rất phong phú và đặc sắc. Những điệu sli,

điệu l- ợn ấy đã gắn bó và có tác động đến đời sống tinh thần của ng- ời dân tộc Nùng Phàn Slình nói riêng.

* Hát trong sinh hoạt gia đình và những cuộc uống r- ợu

- Hát trong sinh hoạt gia đình

Sli-l- ợn (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn tr- ớc đây có mặt ở khắp các gia đình. Sức cuốn hút hầu hết các thế hệ trong gia đình tham gia, kể cả nam lẫn nữ. Từ già đến trẻ, ai ai cũng biết hát. Hình thức hát trong sinh hoạt gia đình là hình thức học tập và sáng tác. Ng- ời già dạy con trẻ, con trẻ học ng- ời lớn. Để thuộc đ- ợc nhiều bài ng- ời học hát phải học từ rất sớm. Trong dân tộc Nùng trẻ con từ 12-13 tuổi đã bắt đầu học hát và biết hát, sau khi có một chút vốn kha khá, chúng đi theo các bậc anh chị để học hỏi, va chạm cho biết. Ng- ời học hát cũng phải kiên trì học ở mọi lúc, mọi nơi, khi đi làm hay những lúc rảnh rỗi họ đều tranh thủ để học hát. Việc học không chỉ từ một ng- ời mà còn phải học từ nhiều ng- ời, tr- ớc tiên là những ng- ời có nhiều tuổi có nhiều kinh nghiệm truyền dạy, sau đó là học từ các anh chị, bạn bè.

Đặc biệt sắp đến ngày hội hè, những phiên chợ tình bao chàng trai , cô gái thức suốt đêm để hát và luyện giọng. Tập hát để thuộc nhiều bài hát với nhiều hình thức hát khác nhau.

Trong cuộc sống gia đình đời th- ờng, việc dạy hát của các bậc cha mẹ, anh chị cho các con trẻ không chỉ để biết hát mà đấy cũng là một cách dạy con cái về đối nhân xử thế, đạo đức và lối sống con ng- ời. Vì những ng- ời biết hát sli- l- ợn và giỏi hát đều là những ng- ời hiểu biết sâu rộng. Vì thế hình thức hát trong sinh hoạt gia đình không chỉ dạy truyền lại mà nó còn có ý nghĩa quan trọng là giáo dục con cái nên ng- ời.

Trong cuộc sống gia đình đời th- ờng, hát dân ca với nội dung trữ tình tha thiết, những câu truyện có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, chính là cái nôi để nuôi d- ỡng cho con ng- ời phát triển về nhận thức xã hội, đặc biệt

về tình yêu quê h- ơng đất n- ớc, tình yêu đôi lứa, tình yêu cộng đồng, nhân loại và tình yêu chính bản thân mình. Những tình cảm ấy nh- con sông, dòng suối tuôn trào. Miền đất thân th- ơng đã đi vào tâm trí con ng- ời bằng những câu ca lời hát hay những câu chuyện dân gian:nh- chuyện tình "Phạm Tải – Ngọc Hoa" hay "L- ơng Sơn Bá -Chúc Anh Đài".

- Hát trong sinh hoạt ăn uống:

Ng- ời Nùng nói chung và ng- ời Nùng Phàn Slình ở huyện Lục Ngạn nói riêng đều có truyền thống hiếu khách. Khi gia đình có khách đến chơi hay bạn bè đến chơi đều đ- ợc gia chủ tiếp đón rất thân mật và kính trọng. Gia chủ mời khách ở lại ăn cơm cùng gia đình. Trong bữa cơm ngoài những món ăn bình dị của thôn quê thì r- ợu không thể thiếu để tiếp đón khách. Trong lúc ăn uống nh- vậy họ hát để mời r- ợu nhau hay hát để hỏi thăm nhau và chúc tụng nhau. Mỗi một cuộc gặp gỡ nh- vậy, cho dù khách, hay bạn, hay ng- ời thân sẽ đều thấy thân hơn, gần gũi hơn. Tạo cho họ có tình cảm gắn bó hơn. Chính những cuộc gặp gỡ này đã tạo ra sự cấu kết cộng đồng giữa ng- ời với ng- ời, giữa mỗi gia đình trong làng bản hay giữa bản này với bản khác.

Không chỉ trong gia đình mà ở các phiên chợ vùng ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn cũng vậy, bạn bè gặp nhau hay anh em gặp nhau cũng mời và rủ nhau vào quán ăn uống, ở đây những điệu sli-l- ợn lại đ- ợc cất lên, không chỉ để vui vẻ mà quan trọng là họ có dịp để bày tỏ những khó khăn trong cuộc sống và hỏi việc làm ăn ra làm sao, xem có ai cần giúp đỡ. Khi hỏi các cụ về vấn đề này thì đều nhận đ- ợc câu trả lời là: Việc hát sli-l- ợn trong ăn uống đã trở thành truyền thống, không những mang lại sự vui vẻ thoải mái mà còn có tính cố kết cộng đồng và chỉ có nh- vậy việc làm quen và thân thiết giữa ng- ời với ng- ời là nhanh nhất. Và chỉ có trong những cuộc gặp nhau nh- vậy ng- ời ta mới tâm sự với nhau đ- ợc hết những nỗi niềm của bản thân mình. Sau những cuộc gặp nhau nh- vậy mọi ng- ời ra

về không những thấy quý bạn bè và làm quen đ- ợc nhiều bạn bè hơn mà họ còn cảm thấy yêu đời và yêu chính cuộc sống của họ hơn. Chính vì thế mà họ bất chấp khó khăn trong cuộc sống, họ vẫn tin t- ởng và cố gắng để v- ợt qua mọi khó khăn trong công việc cũng nh- trong cuộc sống đời th- - ờng của họ.

Nh- vậy hát sli-l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn trong những cuộc vui ăn uống đã trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu đ- ợc đối với họ. Nó đã đi sâu vào tiềm thức của mỗi ng- ời. Thể hiện một tinh hoa văn hoá dân tộc, trong đó ch- á đựng những nét văn hoá đ- ợc kết tinh thuần tuý từ bao đời nay.

2. 4. Sli giao duyên

Trong thơ ca, tình yêu luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho văn nghệ sĩ sáng tác, cũng nh- một đề tài vô cùng phong phú cho các nhà văn nhà thơ khám phá.

Làn điệu sli (soong hao) cũng nh- vậy, là một làn điệu dân ca hát giao duyên đối đáp nam nữ thuộc đề tài tình yêu của ng- ời Nùng Phàn Slình, nên cũng có nội dung phong phú và bất tận.

Qua khảo sát thực tế, tôi đ- ợc biết có hai hình thức hát đó là: "sli boóc" hát đối đáp giao duyên tự do. Không có bài , và đ- ợc hát trong các phiên chợ tình, hội hè vào ban ngày.

Thứ hai "vạ sli tăng h- n" hát giao l- u (giao duyên) đêm dài, cách hát này có bài và đ- ợc hát theo trình tự cố định, rõ ràng và đ- ợc hát trong nhà vào ban đêm. Dù hát ở hình thức nào thì nội dung của nó đều đậm chất trữ tình.

2.4.1.Hát giao duyên đối đáp tự do

Một năm đ- ợc khởi đầu từ muà xuân, một đời ng- ời đ- ợc bắt đầu từ tuổi trẻ, cứ mỗi độ xuân về khắp nơi trong cả n- ớc có nhiều hoạt động đ- - ợc diễn ra với nhiều nội dung khác nhau.

Cũng nh- bao dân tộc khác, các nam thanh nữ tú ng-ời Nùng Phàn Slình Lục Ngạn lại náo nức đi trảy hội khi xuân về. Đối với họ mùa xuân rất quan trọng đặc biệt là tháng giêng và tháng hai. Vì mùa xuân là thời gian nhàn rỗi nhất trong năm và cũng là mùa hát sli. Đối t-ợng đi hát là các nam nữ thanh niên ch-a vợ ch-a chồng và cả những ng-ời đã xây dựng gia đình rồi vẫn đi hát. Có ng-ời đi hát để kết bạn, có ng-ời đi tìm bạn tình, có ng-ời đi hát vì mê giọng hát của một ai đó nh-ng cũng có khi họ đi hát chỉ để gặp mặt ng-ời yêu cũ . Tất cả làm cho hội hát thêm phong phú sắc màu tình cảm.

" Nhi nhan soong hao" đ-ợc gọi tắt là sli. Tiếng sli đ-ợc cất lên rất tự nhiên của các chàng trai cô gái Nùng đi trảy hội.

- Các hình thức hát:

Sli là lối hát giao duyên đối đáp nam nữ do hai đôi trai gái thể hiện, nh-ng số ng-ời tham gia mỗi bên có thể hàng chục ng-ời. Những ng-ời đứng ra hát phải là những ng-ời có giọng trong, vang thánh thót, và đặc biệt phải có tài sáng tác ứng khẩu nh- kiểu ra câu đối, bên kia vừa ngừng tiếng, bên này đã cất tiếng sli ứng khẩu đáp ngay lại. Chính vì vậy hát đối đáp nam nữ ở chợ tình mang tính chất ngẫu hứng, không có bài cụ thể, hát đến đâu ứng tác đến đó. Còn hát giao l-u đêm dài theo trình tự bài bài cụ thể, đòi hỏi ng-ời hát phải thuộc lòng.

Khi hát sli, mỗi bên đều phải hát hai câu liên tục hoạc một đoạn ngắn hay dài còn tuỳ thuộc vào nội dung , th-ờng đoạn có bốn hoặc sáu câu. Một câu có ý trả lời đáp và một câu ẩn ý để bên kia đối đáp lại, đoạn cũng vậy, cứ nh- vậy cuộc hát có thể kéo dài cả ngày.

Khi cất lên tiếng sli, bao giờ câu đầu tiên cũng là "nhi nhan" hoặc "nhi nhan soong hao" và kết cấu câu bao giờ cũng có từ " ơi" hoặc " lê ha ơi" lặp từ cuối câu thứ hai. Đó là những lời đệm để vào câu hát chính và đây cũng là ph-ơng tiện để hoà âm tr-ớc khi hát của hai ng-ời song ca. Chính những lời đệm đó đã tạo ra âm h-ởng nghe rất hay

và độc đáo, tạo ra sự m- ợt mà, uyển chuyển của làn điệu làm cuốn hút cho cả ng- ời hát lẫn ng- ời nghe.

Nội dung của các làn điệu sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn trong hát giao duyên mùa xuân (hát ban ngày):

Nội dung các bài hát sli - l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn luôn nói về những câu chuyện tình yêu đôi lứa bởi mùa xuân là mùa của tình yêu , là dịp để các chàng trai, cô gái khoe sắc, khoe tài qua những bộ quần áo dân tộc màu chàm và qua tiếng sli giao duyên thật m- ợt mà uyển chuyển và du d- ơng đằm thắm trong các ngày hội, các phiên chợ tình: nh- - chợ tình Tân Sơn ngày 12 tháng giêng, chợ tình Biên Sơn, Cầu Trắng đặc biệt là ngày hội soong hao ngày 18/2 Âm Lịch ở Chũ. Vào những ngày đó khắp các ngả đ- ờng ra vào chợ, trên các đồi sim, đồi cây cạnh đ- ờng cái, đâu đâu cũng vang lên tiếng sli của ng- ời Nùng Phàn Slình bay bổng ngân nga hoà quyện cùng gió xuân.

Tình yêu mang lại cho con ng- ời niềm vui, tiếng sli giao duyên chắp thêm cánh cho tâm hồn mọi ng- ời. Điệu sli m- ợt mà, đậm đà và mộc mạc nh- màu chàm trên áo của những chàng trai cô gái nh- những rặng cây trên đồi đu đ- a làm duyên tr- ớc gió, tâm hồn của ng- ời hát sli cũng bay bổng theo âm thanh đến với bạn tình , làm xao động những trái tim muốn yêu và đang yêu cháy bỏng đợi chờ.

Mở đầu cuộc hát là những lời chào hỏi gọi nhau, rủ nhau, kiếm tìm bạn hát.

Bên nữ:

Nấ này nấ đáy ọc hơn ma

Ma hẳn lục phụng du cháng nha

Bên nam:

Slíp nhị pí bớn văn này lỵ

Ma hop lục phí đày cáo lơ

Bên nữ:

Tô sai cáo lơ páy khăm hài

Da táp pô slai chỉnh đày hơ

Tạm dịch:

Nữ:

Hôm nay ngày hội mừng xuân

Về đây đ- ợc gặp ng- ời thân chỗ này

Nam:

Hôm nay ngày hội giêng hai

Gặp nhau ta cùng hát bài trao duyên

Nữ:

Cùng anh ca hát thành duyên

Đừng cho n- ớc chảy trôi thuyền đi xa.

Họ có thể đã biết nhau, quen nhau, cũng có thể ch- a bao giờ gặp nhau nh- ng khi đến chợ ai cũng nh- ai, đều có thể hát hỏi thăm nhau, chào nhau rất tự nhiên. Câu chuyện của từng đôi, từng tốp hát khác nhau nh- ng đều xoay quanh một chủ đề đó là tình yêu. Lúc đầu họ hỏi thăm nhau, khi cuộc hát bắt đầu thật sự họ chuyển dần sang chủ đề tình yêu.

Hát chào:

Pẹc hạc bén ma cà nà sở

Sloong hao ma hop nứ thủ lơ

Sloong hao ma hop nứ tráng hạng

Kín càng say tong bô mi hơ

Tạm dịch:

Tôi gặp đ- ợc bạn trong phiên chợ này

Hỏi bạn xem bạn có ng- ời yêu ch- a?

Hát chào:

Slíp nhị pí bớn văn này lỵ

Chỉnh nhị kéng kỷ văn này hở

Slíp nhị pí bớnn văn này hang

Chỉnh hop lục tạng văn này hở.

Tạm dịch:

Mời hai tháng trong một năm mới gặp đ- ợc bạn

Mời hai tháng trong một phiên chợ đông vui mới gặp đ- ợc bạn.

Trên đây mới chỉ là một số ít những khổ hát chào bạn ở ngày hội, ngày chợ tình. Họ không cần khoảng cách xa, gần mà họ chỉ cần nghe đ- ợc tiếng hát của nhau cho dù không biết là ai, ch- a nhìn thấy ng- ời họ cũng rất nhiệt tình và nghiêm túc. Nếu thấy hợp nhau thì họ sẽ tiến dần về gần nhau, còn không hợp thì họ lại hát với tốp khác. Chào rồi họ mới hỏi có đúng hai bên đang hát về nhau hay không đó chỉ là cớ để hát tiếp khi thấy hợp nhau.

Hát hỏi:

Nữ:

Nhọi ới cáo ma tổ tỉ tị

Cáo ma tô phí lộ tổ sở

Cáo ma tổ sở sở sụ vạ

Bô mi slụ giả lẹo lu hơ.

Tạm dịch:

Mình thấy cái hát không biết vào mình hay vào ai

Nếu không hát vào tôi thì thôi

Nam:

Sở này cáo páy tổ tỉ tị

Chỉnh cáo sloong phí m- ng lu hơ

Tạm dịch:

Tôi hát vào em(các bạn) đó.

Cuộc sli cứ nh- vậy cho đến lúc kết thúc, từng tốp nam nữ bắt đầu tách ra và các đôi trai gái tìm hiểu và thể lộ tình cảm yêu cho nhau; và ý của từng câu sli chứa đựng nỗi niềm tâm sự ấy, tình cảm ấy một cách phong phú và sâu nặng.

Nam:

Tô sai cáo lơ páy mơ nọc

Cáo pọt thển sêu hừ nhọi thở

Nữ:

Slụm mộng thển nớ cáo đày nẹt

Văn văn văn đẹt chỉnh đày nhơ

Nam:

Sở slờng khần xả páy nem lặm

Láo nhơ na nắm phúc tẹo phán

Nam:

Sở này nhét slím sau nhọi kỳ

Bô hừ lục phí tú tăng lơ

Nữ:

Sở slờng ắn mịnh páy khầu chồ

Láo peng bô cồ vít tẹo sở

Nhét cáo nhị kết sở bô bồ

Thải đếu tô cồ lục kím nhơ

Nữ:

Láo tẹo thển nớ mân bô hóp

Tẹo pạc ắn slinh tú tăng lơ

Nam:

Thển nớ bô hóp sụm áu đày

Chí cồn sạo hạy long hét na

Nữ:

Tô say đắm na long kín khàu

Da bồ na pầu khần nhà đá

Nam:

Nhọi hởi đắm na long pen khàu

Sloóng hao sình làu sloóng văn mơ

Nữ:

Phúc páy phán ma noọng tẹo khặm

Văn hẩ sình làu say ha sở

Nam:

Slám pắc sli phống long pào dạu

Soong hao sình làu văn pục lơ

Nữ:

Hét hơ long song đày cân bờng

Say kín súng sờng chỉnh hổn nhung

Nam:m- ng long song sở pắn thu

Say kín say dụ páy một mơ

Tạm dịch:

Nam:

Ung dung lái chiếc đò sang

Tới khi đến đợi đ- ợc nàng mới thôi

Nữ:

Mong sao trời cũng nh- lòng

Nắng m- a chung thuỷ em trông cậy nhờ

Nam:

Anh đây quyết trí một lòng

Không cho bạc nghĩa bỏ không ng- ời tình

Nữ:

Thực lòng trăng sáng đầy vơi

Toả h- ơng gió mát cho đời em mong

Nam:

Vắng trăng vẫn còn sao trông

Sợ rằng duyên em không bằng lòng

Nữ:

Ước gì núi đào thành sông

Thuỷ chung mới hết mặn nồng đắng cay

Nam:

Nhiệt tình khổ mấy vấn v- ơng

Dù cho sông chết vẫn th- ơng lấy ng- ời

Nữ:

Sợ rằng ông trời chẳng cho

Bỏ duyên lãng mạn nh- đò sang sông

Nam:

Trời cao m- a đổ vơi đi lại đầy

Cùng nhau đào núi có ngày thành công

Nữ:

Cùng nhau cấy lúa thành bông

Đừng để ruộng đồng mọc cỏ hoa lâu

Nam:

Em ơi cấy lúa nên bông

Ngày vui đám c- ới r- ợu hồng đôi ta

Nữ:

Ngày vui đám c- ới r- ợu hoa

Anh báo thực lòng cho nhà em hay

Nam:

Tam ph- ơng tứ h- ớng đến mừng

Cùng vui đám c- ới đẹp lòng mai sau

Nữ:

Mong sao sớm tối bên nhau

Cùng ăn cùng ở vẹn tình thuỷ chung

Nam:

Kề vai chia ngọt sẻ bùi

Nguyện xây tổ ấm trọn đời bên nhau

Ý nghĩa của từng câu sli chứa đựng nỗi niềm tâm sự, tình cảm rất phong phú và sâu nặng. Nhiều đôi trai gái qua buổi hát đã yêu nhau, sau trở thành vợ chồng chung sống với nhau tràn đầy hạnh phúc. Họ đến với nhau theo tiếng gọi của con tim, tiếng gọi ấy đ- ợc cất lên bằng làn điệu sli m- ợt mà, bay bổng. Chính vì thế mà không có bài hát nào mà không thể hiện theo dòng cảm xúc của tình yêu đôi lứa, chính vì vậy mà có đ- ợc những câu sli hay nh- thế.

Sli hay ở chỗ ẩn ý của từng câu hát, chính vì thế những ng- ời hát và những ng- ời nghe, th- ởng thức tr- ớc hết phải biết đ- ợc ẩn ý của sli mới cảm nhận đ- ợc hết cái hay, cái duyên thầm của làn điệu.

Nh- đã nói ở trên, đi chợ hội xuân, chợ tình không chỉ có nam, nữ, thanh niên ch- a vợ mà có cả những ng- ời đã xây dựng gia đình. Tr- ớc đây họ đã từng hát cùng nhau cùng tâm sự với nhau. Nh- ng vì lí do nào đó mà họ không lấy đ- ợc nhau. Những ngày hội, chợ tình này là cơ hội duy nhất để họ gặp lại nhau, để giãi bày và hỏi thăm động viên nhau. Họ đã dùng tiếng hát để bày tỏ tâm sự.

Hát về bạn tình cũ (sli sinh cảu)

vế đối:

Shoong hao hửng lái bô hẳn nà

Sli dợng pạc páy kỳ pí ma

Pạc páy long lơ bô hẳn nà

Sli dợng thải páy đếu tẹo ma

Pen dợng phay đắp pạu nhăng thàu

ỉ ng cảu nhăng đóng bô mi hơ

Tạm dịch:

Hai ta lâu lắm không gặp mặt

D- ờng nh- cách biệt vài năm qua

Chia tay tiễn biệt không gặp lại

D- ờng nh- chết đi sống lại đây

Có gì lửa tắt hơi còn ấm

Chợ cũ còn đông có hay không?

.....

Vế đáp:

Phay mày lau ha sởng tẹo bột

Lao lên kỳ khộp chỉnh họp nhơ

Phỏn tóc long ma tỏi mạy cộn

Lao lộn chỉnh họp lục kím nhơ

Phỏn tóc long ma nặm chòn bùng

Cóng slinh khả con sở bô lum

Tạm dịch:

Lửa cháy cỏ lau đã mọc mầm

Xa nhau mấy mùa mới gặp nhau

M- a xong mới gặp đôi bạn tình

Hạ hồn mới gặp đ- ợc ng- ời yêu

M- a to n- ớc chảy tuôn về suối.

Hẹn - ớc ngày x- a thể nào quên.

Dù có th- ơng nhau, cũng đành do số phận. Họ không lấy đ- ợc nhau, cũng chẳng trách nhau, chỉ biết ngậm ngùi theo số phận, coi nhau là bạn của nhau. Có ng- ời khi gả con cái hay có ngày lễ gì còn mời nhau đến nhà dự để cùng chia sẻ nỗi niềm vui buồn không hề oán trách nhau điều gì.

Cứ nh- vậy khắp các ngả đ- ờng, trong chợ làn điệu sli vang lên khiến cho cả ng- ời nghe lẫn ng- ời hát quên hết những ngày lao động vất vả, chìm đắm mình trong một thế giới khác, thế giới của tình yêu đôi lứa.

Buổi sli kết thúc cũng là lúc phiên chợ tàn, trời cũng xế chiều về với hoàng hôn. Những tốp sli bắt đầu tách ra từng đôi nam nữ tìm nơi vắng vẻ nh- các s- ờn đồi, các đồi sim hay các dặng cây bên đ- ờng để tâm tình với nhau. Câu chuyện của từng đôi có từng chủ đề khác nhau nh- ng đều xoay quanh chuyện tình yêu đôi lứa. Cuối cùng khi chia tay nhau, họ tặng cho nhau các đồ kỉ niệm và hẹn phiên chợ khác sẽ gặp lại.

2.4.2. Sli giao l- u đêm dài

Hát giao lu đêm dài cũng là một hình thức giao duyên nh- hình thức hát ban ngày. Nh- ng hát giao l- u đêm dài đ- ợc diễn ra vào buổi tối và ban đêm ở trong nhà của một làng nào đó bất kì. Hát giao l- u đêm dài có bài cụ thể và đ- ợc hát theo trình tự rõ ràng. Khi hát giao l- u đêm dài có xen các bài l- ợn có nội dung t- ơng ứng với bài sli đó. Mỗi cuộc hát giao l- u đêm dài ít nhất phải kéo dài một đêm, nhiều là 3 đêm. Về nội dung mang tính chất tổng hợp có cả chào hỏi, chúc tụng, tình yêu, cuộc sống sinh hoạt cho đến các câu chuyện cổ tích, tình yêu quê h- ơng đất nớc.

Nên những ng- ời tham gia hát giao l- u đêm dài là những ng- ời giỏi hát và thuộc nhiều bài hát, có trí nhớ tốt. Hình thức này vừa mang tính giao l- u kết bạn nhng đồng thời cũng là cuộc so tài xem ai hơn ai kém.

Hình thức hát giao l- u đêm dài đ- ợc diễn ra quanh năm nh- ng nhiều nhất là mùa xuân. Do ngày tr- ớc không có ph- ơng tiện đi lại nên đi chợ hay

đi có việc ở xa đều phải đi mấy ngày mới đến. Chính vì thế, nam nữ thanh niên tối đến tìm vào nhà những ng- ời thân hay bạn bè thân thiết để xin nghỉ trọ. Nam nữ thanh niên trong làng thấy khách lạ đến bản, tối đến chào hỏi và xin hát. Chính vì vậy, ngày x- a đi sang các bản khác, làng khác, hay xã khác thậm chí là tỉnh khác, thanh niên nam nữ đều đi theo từng tốp, trong tốp đó phải có ngời hát giỏi mới dám vào làng chơi hoặc trọ.

Những cuộc hát sli giao l- u đêm dài có cả các cụ già làm cố vấn, nếu bên nào hát sai, các cụ lập tức có ý kiến và chỉ ra cái sai của đội bên.

Qua khảo sát, tìm hiểu và phỏng vấn các cụ già, tôi đã ghi lại đ- ợc trình tự cũng nh- quy định hát giao l- u đêm dài nh- sau:

Mở đầu: Têu sli khặm(chào hỏi)

Tiếp đến: têu sli khào(hỏi thăm)

Tiếp đến :têu sli khảy pác (hai bên đồng ý hát)(hát mở mồm)

Têu sli sặp hặm (trời sắp tối nên đến lúc phải hát)

Têu sli đắm (hát vào buổi tối)

Có nội dung kể về quá trình đi vào bản chơi

Đến têu sli lom pặt (gió đa) ý nói tin lan nhanh nh- gió đ- a vậy, mới vào bản mà ai ai cũng biết.

Tiếp đến: Têu sli thọi: (hát tâm sự)

Tiếp đến: Têu sli thạn: (hát than thở)

Tiếp đến: Têu sli tụ: (hát then)

Tiếp đến: Têu sli long slím

Tiếp đến: Têu sli kết ỵ

Tiếp đến: Têu sli đệp pọng h- n

Khi hát đến đây tốp hát chuyển sang hát những bài có nội dung khác.

Tiếp tục: Têu sli khảy pạc tại nhị

Têu sli cay khẳn (hát về gà gáy)

Têu sli tô mạy (hát đốn cây)

Têu sli het hơn (hát làm nhà)

Têu sli nái hơn (hát về gia đình)

Têu sli hặn hơn (hát khen gia chủ)

Têu sli pào cá (hát chúc tụng gia đình)

Têu sli hặn pàn (hát ca ngợi bản làng)

Têu sli hặn sláo (hát hai bên khen nhau)

Đến đây là kết thúc một đêm hát. trong những lúc hát nh- vậy họ cứ xen kẽ các điệu l- ợn vào cuộc hát. Đặc biệt khi cuộc sli chuẩn bị kết thúc, họ dùng làn điệu l- ợn để ca ngợi chủ nhà, cảm ơn và chúc tụng chủ nhà, đã tạo điều kiện cho họ có cuộc sli và l- ợn, cuối cùng là những lời tạm biệt.

Làn điệu của ng- ời Nùng Phàn Slình cũng là làn điệu hai giọng nh- ng nghe mềm mại và tình cảm hơn sli và khó hát hơn. Ng- ời Nùng Phàn Slình còn quan niệm rằng nếu trong cuộc sli giao l- u đêm dài mà không có l- ợn thì sẽ bị thiên hạ chê c- ời, coi nh- tốp sli đó không có tài, không giỏi giang, chỉ biết sli mà không biết l- ợn. Qua khảo sát, điều tra đ- ợc biết hát giao l- - u đêm dài này có khoảng 500 bài cả sli và l- ợn và cả những câu boóc. Trong khoá luận này chỉ xin giới thiệu một vài bài để tham khảo:

Têu sli khảy pác Tạm dịch là: **Bài sli mở mồm**

Sả slúng sả tăm sả cách sả Núi cao núi thấp cách xa nhau

Thển lăp phả sạm hơn hấu ma Đá lấp ở đâu về chơi bản

Thển lăp phả sạm hơn hấu ma Đá lấp ở đâu về bản này

Bô chí càng cồ lộ tao vá Có biết nói chuyện hoặc là hát

Láo vạ càng cồ sụ ma làng Có muốn nói chuyện thì nói chuyện

Lộ vạ tao vá thọi mơ nha Có muốn hát nữa thì về thôi

Lộ vạ tao vá thọi mơ phù Muốn hát sli, l- ợn thôi hãy về

Dắp nói phù mú hẳp tú pá Tý nữa mình đóng cửa nhà ngay

Dắp nói phù mú hắp tú vện	Tý nữa đống cửa lắp ngoài cổng
Tẹo viển sloong sở khàu bàn ma	Đừng ghét hai ng- ời vào làng chơi
Tẹo viển sloong sở ma khàu bàn	Đừng ghét hai ng- ời vào chơi làng
Cai này páy nà tô nan ma	Từ nay về sau không vào chơi
Cai này páy nà tô nan dạng	Từ nay về sau không vào làng
Nan dạng khàu bàn ma tao vá	Cũng chẳng bao giờ về làng hát
Nan dạng khàu bàn tao sều	Cũng chẳng b- ớc chân vào làng này
Nai lăng đáy chêu nhọi hởi hơ	Thích xem không đ- ợc đêm hôm nay

Khi khái quát hát giao l- u đêm dài gồm ba phần khác nhau t- ơng ứng với ba đêm hát.

Phần mở đầu là những bài hát hỏi thăm, đến những bài hát tả cảnh, tỏ tình, những vật dụng của cuộc sống, thổ lộ tình cảm, ý nguyện đến những bài chúc phúc gia đình, đôi bên chúc nhau. Phần này đ- ợc hát trọn vẹn trong đêm thứ nhất.

Phần hai đ- ợc hát trong đêm thứ hai: là những bài hát kể về những câu chuyện cổ tích, những truyền thuyết về trời, chú Cuội, Thần Trăng.

Phần ba là những bài hát kể về truyền thuyết Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, những câu chuyện thơ nh- L- ơng Sơn Bá-Trúc Anh Đài, Phạm Tải- Ngọc Hoa.

Để hát đ- ợc hết cả ba phần thì ng- ời hát phải hát đến đêm thứ ba.

Những câu hát sli nh- là những câu chuyện tâm tình giữa chủ và khách. Chủ và khách đều ý tứ, nhẹ nhàng tự hạ thấp mình để thể hiện sự kính trọng nhau.

Cứ nh- vậy, chủ và khách cứ hát mãi, hát mãi. Theo phong tục của ng- - ời Nùng, trai gái đi hát nh- vậy th- ờng tìm bạn hát và cũng là bạn đời của mình.

Qua đây ta thấy hát sli- l- ợn (shoong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình nói chung cũng nh- của ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn nói riêng, đó

là một nét sinh hoạt văn hoá dân tộc, có giá trị tinh thần vô cùng lớn, đã từng tồn tại và phát triển cùng với dân tộc này.

Tiếc rằng lối hát này hiện nay không còn nữa. Nó đã bị mai một vào cuối thập niên 80 của thế kỉ XX. Đến nay vào những phiên chợ vùng cao ở Lục Ngạn, ta chỉ thấy thấp thoáng bóng áo chàm, còn những điệu sli- l- ợn của đồng bào chỉ còn trong kí ức của mỗi ng- ời dân Nùng mà mỗi khi nhắc đến họ đều nuối tiếc.

2.5. Hình t- ợng làn điệu sli

2.5.1. Hát đối - đáp

Nh- đã trình bày ở phần đầu, hát sli- l- ợn thực chất là cuộc hát đối đáp, đó là làn điệu sli hai giọng(hai bè) cách nhau một quãng rất đặc biệt. Nên kết cấu hai vế đối đáp là lối kết cấu chủ yếu trong hát sli- l- ợn. Bằng lối kết cấu này, hát sli- l- ợn vận dụng phép đối ý đối lời là chủ yếu. Thủ pháp nghệ thuật này tạo ra sự hài hoà cân đối giữa lời vấn với lời đáp giữa những đoạn thơ, câu thơ:

Nữ:

Láo tẹo thẩu nớ mân bô họp

Tô pạc ắn sinh tú tăng lơ

Nam:

Thển nớ bô họp sụm áu đày

Chỉ cồn sạo hạy long het na.

Tạm dịch:

Nữ:

Sợ rằng ông trời chẳng cho

Bỏ duyên lãng mạn nh- đò sang sông

Nam:

Trời cao m- a đổ vơi đi lại đầy

Cùng nhau đào núi có ngày thành công.

Hay

Nam:

Nhọi m- ng đáy sláo pen ăn boọc

Bính bà dệu dệu bén hạng đóng

Nhọi m- ng đáy sláo lùm ắn hải

Đáu đi say phà kèo khàu hen.

Nữ:

Sở này bô tong cóc chồi đóng

Hơn khồ hét h- đày pen hẩu

Ong cân pen hải cắp cải pô

Săng khần ắn pô khảng toi nà

Tạm dịch:

Nam:

Bạn cũng nh- nhụy hoa đang nở

Ong b- ớm đang hội chợ cùng xuân

Bạn cũng nh- ánh trăng đang mọc

Bao mây sao cũng muốn đến cùng.

Nữ:

Thân tôi nh- giẻ rách chuối rừng

Ng- ời nghèo đâu dám mong nh- bạn

Thân em nh- bóng trăng cuối tháng

Trăng ch- a lên mà núi đã che.

Phép đối ý, đối lời đ- ợc sử dụng tới mức tối đa. Những lời hát đáp bao giờ cũng bám sát nội dung, chủ đề lời hát vấn, tạo ra một sự cân đối hài hoà, chặt chẽ lôgic trong cấu trúc và nội dung giữa lời vấn và lời đáp.

Những câu hát đoạn hát sli- l- ợn th- ờng không dài quá, có lẽ cũng để "đối phương" có điều kiện tiếp nhận để trả lời. Lối đối đáp này chủ yếu theo kiểu đối thoại trực tiếp. Bao giờ cũng gồm cả hai phía, hai tốp nam- nữ. Ta ít khi thấy đối thoại một vế. Cũng bởi điều kiện diễn x- ớng mà chủ yếu lời hát đối đáp đ- ợc thể hiện theo lối nói bóng gió, ẩn ý sâu xa, đặc biệt những lời hát tỏ tình, giao duyên nơi đông ng- ời tụ họp.

Tóm lại, kết cấu đối đáp là lối kết cấu chủ yếu trong hát sli- l- ợn. Lối kết cấu này đ- ợc thể hiện bằng nhiều hình thức, mang lại sắc thái và giá trị biểu cảm phong phú.

2.5.2. Kết cấu lặp

Phép lặp đ- ợc sử dụng phổ biến trong đám c- ới.

Biện pháp nghệ thuật này tạo ra một nhịp điệu dồn dập, hình ảnh đ- ợc khắc hoạ ấn t- ợng, khó quên:

Lái cân tô say páy *Nhiều ng- ời cung đi kèm*

Lái cân say páy đời *Nhiều ng- ời* cùng theo với

Páy nem pen đóng cân *Đi theo một rừng ng- ời*

Páy nem pen kì lái lợt *Đi theo m- ời l- ợt ng- ời.*

Đặc điểm chung của dạng kết cấu nối này là mỗi dòng có số chữ bằng nhau. Xét về mặt nhịp điệu nó tạo nên sự cân đối hài hoà, êm ái trong lời ca. Nó nằm ở vị trí mở đầu đã tạo nên âm h- ởng dìu dặt quán xuyến toàn bộ bài hát, nếu ở chỗ khác thì nó là dấu hiệu của tâm trạng, là gạch nối giữa phép lặp với sự đối ý, đối từ, đối cú pháp, vừa nhịp nhàng, hài hoà về nhạc điệu. Sự lặp lại không hoàn toàn trùng lặp mà có sự lựa chọn thay đổi từ ngữ, không những tránh đ- ợc sự đơn điệu mà còn tạo ra những sắc thái tình cảm mới. Ví dụ nh- :

Páy sạu nai ka khả *Đi sớm thì s- ơng răng*

Páy slái đẹt lạt lăng *Đi tr- a thì nắng gắt*

lặp lại câu thơ, hình ảnh, từ ngữ tạo ra một cảm xúc tràn trề, nuối tiếc vô tận, ng- ời nghe bị cuốn hút vào mạch cảm xúc ấy.

Đặc biệt trong khi hát, ng- ời hát lấy từ "ơi" để luyến ở cuối câu hát thứ nhất và lặp lại từ cuối của câu hát thứ hai, tạo ra âm điệu vừa du d- ơng vừa cuốn hút cả ng- ời hát lẫn ng- ời nghe.

2.6. Hình t- ợng trong dân ca sli

2.6.1. Hình t- ợng mang tính chất miền núi đậm nét

Tính chất dân gian trong các hình t- ợng bài hát sli- l- ợn không phải là tính chất dân gian nói chung mà chính là tính chất dân tộc miền núi độc đáo. Điều đó đ- ợc thể hiện ở chỗ các hình ảnh, chất liệu để xây dựng hình t- ợng nghệ thuật đều gắn liền với thiên nhiên, hoàn cảnh sống, điều kiện sinh hoạt của đồng bào miền núi.

Tác giả của những bài hát sli- l- ợn thực chất phải là những ng- ời lao động gần gũi với thiên nhiên.Vì thế cách diễn đạt của họ trong thơ ca là lối nói bằng hình ảnh mang dấu ấn của thiên nhiên và dân tộc miền núi:

Hạy pài nứ hơn học thồm khạu
Hạy thụ nứ hơn boóc đáng khảy
Hạy đòm nứ hơn nặm bô tức
Hả noọng lái hạy thụ đáng tằng
Hả noọng lái hạy pài đáng kỷ
Xăng mi cân thạp nắm chăm ót
ót mi chẳm pài bô hong đáy
Thụ bô bái thụ bô pen pắc
Pài thồm học mác boọc pô pen
Pục lơ mi cân nái thửng sở

Tạm dịch:

N- ơng bông ở nhà đang rậm cỏ

N- ơng đỗ ở nhà đang ra hoa

N- ơng chàm ở nhà đang cần n- ớc

Dặn em nhiều n- ơng đỗ nó mong

Dặn em nhiều n- ơng bông nó đợi

Không ai gánh n- ớc để ngâm chàm

Chàm không ngâm nhuộm không đ- ợc đẹp

Đỗ không vun đỗ lép đỗ th- a

Bông rậm cỏ không hoa không quả

Sau này có ng- ời oán trách anh.

ý tứ bài thơ ý nhị mà sâu sắc. Lời thơ bóng bẩy mà nhẹ nhàng. Hình ảnh n- ơng bông, n- ơng đỗ, n- ơng chàm là những hình ảnh quen thuộc gần gũi với ng- ời dân lao động miền núi cũng nh- những công việc trồng bông, vun đỗ, ngâm chàm, nhuộm vải, là những công việc quen thuộc của họ. Tuy nhiên ở bài ca này ng- ời con gái không chủ ý miêu tả cảnh vật và công việc mà là lời tỏ tình, dò hỏi xem chàng trai đã có vợ ch- a?

Ng- ời con trai Nùng khi đã có gia đình cần phải giúp vợ làm những công việc: t- ới bông, ngâm chàm. Vì vậy ng- ời con gái trong bài ca muốn hỏi dò xem chàng trai đã có vợ ch- a? Đã có ng- ời mong đợi để làm giúp đỡ công việc đó ch- a? Hình ảnh n- ơng bông, n- ơng đỗ, n- ơng chàm còn có ý nghĩa ẩn dụ tu từ.

Thật dí dỏm và tinh tế, chàng trai lại dùng luôn những hình ảnh mà cô gái đã sử dụng để bày tỏ tấm lòng mình:

Tỵ sở pô đóng học thồm lụng

Bô mi óng cân pạt hét hạy

Phăn đòm xăng áu nhăng cọn n-

Cóc pài du hẩu xăng cân hú

Hạy thụ bô chắc văn hẩu pạt

Văn hẩu bái cố đòm cố pài

Nhọi m- ng say sở nhăng tô sọi

Tam dịch:

Quê tôi toàn rừng già đồi núi

Ch- a có ng- ời đến phát làm n- ơng

Chàm ở nơi khác ch- a lấy giống

Bông còn ở đất lạ ch- a ai hay

N- ơng đỗ ch- a định ngày để phát

Hôm nào làm cỏ chàm với bông

Tất còn nhớ đổi công với bạn.

Có thể thấy rằng sau lời tâm tình là một bức tranh sống động về cảnh sắc sinh hoạt miền núi.

2.6.2. Một số biểu t- ợng th- ờng gặp

Trong truyền thống phô diễn của ng- ời Nùng Phàn Slình cũng nh- một số các dân tộc ở miền núi khác, những biểu t- ợng nghệ thuật phổ biến quen thuộc nh- : con đ- ờng, hoa, chim ph- ợng, cái đèo đ- ợc sử dụng rất nhiều. Mỗi biểu t- ợng chứa đựng một giá trị nghệ thuật.

Biểu t- ợng hoa: Ng- ời Nùng quan niệm con ng- ời là do Mẹ hoa trên thiên đình ban xuống. Và gọi đó là "boọc vá" tức mỗi ng- ời sinh ra đều do Mẹ hoa là đấng chí tôn vô th- ợng ban tặng. Và cuộc đời trên thế gian đều phụ thuộc vào Mẹ hoa định đoạt.

Mế Boóc pắn ma, mế vá păn tẹo

(Mẹ hoa sinh ra, Mẹ hoa đặt lại)

Giữa muôn hồng ngàn tía của sắc hoa rừng có một bông hoa thần tuyệt mỹ- đó là hoa vặc vền. Có ng- ời thì gọi là:"ấn boóc vá". Hoa vặc vền chính

là hoa ng- ời - t- ợng tr- ng cho con ng- ời. Ng- ời Nùng hay ng- ời Tày đều có câu " con trai con gái, hoa trái của mường". Tuổi của hoa là đang độ tr- - ởng thành. Cũng nh- con ng- ời ở tuổi thanh xuân hoa là biểu t- ợng của lòng tin và bản lĩnh:

Hoa em bốn màu không héo
Hoa này lửa đốt không cháy
Hoa này thả suối không trôi
Hoa còn là biểu t- ợng của sự sinh sôi:
V- ờn hoa vàng sinh ra con trai
V- ờn hoa bạc sinh ra con gái.

Tóm lại hoa là tinh tuý, là vẻ đẹp, là niềm vui, là sự sinh sôi nảy nở. Ng- - ời Nùng th- ờng hát với ý nghĩa đó trong các bài hát cổ lảu trong đám c- ới, hay sli- l- ợn chúc tụng nhau, cúng giải hạn.

Ngoài ra, còn có biểu t- ợng của hoa mận, hoa đào trong các cuộc hát tháng giêng:

Chếnh ngột sẩn Sli boọc mắn khẩy
Cố Slúng cố tăm tằm tô say
Tạm dịch:
Tháng giêng xuân đến hoa mận nở
Cây thấp cây cao cùng nở trắng

Có thể thấy trong sli- l- ợn của ng- ời Nùng đều chứa đựng những hình t- - ợng, biểu t- ợng của thiên nhiên, sông núi, hoa, cỏ, chim muông đều là những thứ luôn gần gũi và thân thiết với cuộc sống của họ. Điều này thể hiện rõ chất giá trị văn học dân gian trong sli- l- ợn.

2.7. So sánh sli Nùng ở Lục Ngạn với *l- ợn* Tày

Về thực chất thì ng- ời Nùng với ng- ời Tày có những nét t- ơng đồng về văn hoá nh- : ăn, ở, sinh hoạt hàng ngày. Tuy vậy ngoài những điều t- ơng

đồng rất cơ bản lại có những nét riêng biệt. Để tìm hiểu sự giống và khác nhau giữa hai làn điệu dân ca nói trên tr- ớc hết ta xem xét khái quát về làn điệu l- ợn của dân tộc Tày.

2.7.1. Hát l- ợn của ng- ời Tày

L- ợn là một làn điệu rất phổ biến ở ng- ời Tày ở Lạng Sơn. Có thể nói từ rất xa x- a, l- ợn đã trở thành tiếng hát chung và không thể thiếu đ- ợc với nhiều lứa tuổi. Đặc biệt là nam nữ thanh niên trong các bản làng ng- ời Tày.

Nội dung chủ yếu nói lên những tâm t- , tình cảm, ca ngợi cuộc sống, ca ngợi lao động sản xuất, ca ngợi thiên nhiên và tình yêu đôi lứa. L- ợn của ng- ời Tày có những làn điệu phổ biến sau: l- ợn sl- ơng là l- ợn những lời yêu th- ơng, chữ "slương" có nghĩa là th- ơng nh- ng th- ơng ở đây chỉ có nghĩa là yêu th- ơng. Vì thế làn điệu sl- ơng ngoài hát giao duyên còn dùng trong nhiều loại. Những lúc trên đ- ờng đi n- ơng, đi rẫy, đi chăn trâu, hái củi, hái hồi với cảnh vật thiên nhiên tĩnh mịch, họ l- ợn tâm sự cùng cỏ cây, hoa lá những nỗi niềm riêng t- , nỗi buồn nhớ bạn, một tình cảm yêu th- ơng, l- u luyến hoặc hồi t- ởng những quá khứ đã qua. Đặc biệt l- ợn sl- ơng rất phổ biến và thích hợp cho những cuộc hát giao duyên (hát đối đáp nam nữ lứa tuổi thanh niên). Hình thức l- ợn này diễn ra ở hai địa điểm chính là: l- ợn trong nhà và l- ợn ngoài trời .

Th- ơng hại này đây th- ơng hại nhau
Th- ơng hại chúng mình ở cách nhau
Cách trở giang hà rừng cách núi
Yêu nhau giao kết đ- ợc thành thân.

Hình thức l- ợn trong nhà (l- ợn cuộc) th- ờng hát vào ban đêm, th- ờng hát theo cuộc hát có lề lối, có tổ chức. Thời gian một cuộc l- ợn là một đêm, đ- ợc hát trên sàn nhà sàn, giữa trai làng nọ hát với gái làng kia và ng- ợc lại, ít khi trai gái của làng hát với nhau bởi sẽ bị ng- ời ngoài coi khinh là không

biết l- ợn, không có tài. Một cuộc l- ợn có thể chia thành mấy giai đoạn chính nh- sau:

Giai đoạn thứ nhất: Thuộc phần chủ hát (chủ ở đây là chủ làng, chủ bản chứ không phải chủ nhà), có thể là bên nam hoặc bên nữ hát tr- ớc. Nếu chủ nhà mở đầu cuộc l- ợn tốp thì chủ sẽ l- ợn những bài l- ợn nài (l- ợn mời) dùng những lời lẽ lịch thiệp, tha thiết mời khách vào bản cùng l- ợn cho vui cửa vui nhà. Nếu l- ợn một bài ch- a thấy khách đáp sẽ phải dùng những lời lẽ trêu ghẹo, khích bác, chê bai để khách phải cất lời l- ợn, đáp mới thôi:

B- ớc chân vào nhà chào bạn xuân
Ng- ời đồn bảo bạn có sắc xuân
Ng- ời đồn bảo bạn có xuân sắc
Tôi xin kết nghĩa bạn tình thân.
Hoặc:
Nhìn sang cửa sổ thấy má đào
Hoa nở ong b- ớm l- ợn xôn xao
Cá ở d- ới n- ớc thì nhảy nhót
Ng- ời đời gặp nhau đ- ợc hỏi chào.

Giai đoạn hai: Là giai đoạn khách l- ợn đáp, khách l- ợn những bài chúc mừng, ca ngợi từ già đến trẻ, ca ngợi muôn vật, cảnh đẹp bản làng, quê h- ơng của chủ:

Nhất th- a nhì dạ dạ nhà ta
Chúc thọ nhà này phú quý đa
Chúc thọ nhà này đa phú quý
Sinh nam tuấn tú nữ nh- hoa

Giai đoạn ba: Là giai đoạn l- ợn thi thố tài năng, bên nam bên nữ l- ợn nối tiếp nhau, mỗi bên đều cố gắng tỏ rõ tài năng hiểu biết của mình về sử

sách con ng- ời, vạn vật xung quanh. Giai đoạn này chiếm số l- ợng thời gian nhiều nhất và sôi nổi nhất.

Nam đối:

Hỏi về đến bạn bạn tri ân
Con gì ăn cắp cả ngày đêm?
Nói rõ mình nghe có đ- ợc chăng?

Nữ đáp:

Th- a lời gửi tới bạn duyên du
Con này chẳng phải con chuột ?
ăn hết thịt thà còn ăn bắp
Lấy mèo mà chị chẳng chịu thua.

Giai đoạn cuối: Hai bên l- ợn những bài xe kết, những bài tình cảm chung chung, nói lên những - ớc mơ, sự mong chờ kết nghĩa trao duyên và l- - ợn những lời tạm biệt, những lời thề nguyện, hứa hẹn.

Trong ca dao dân ca Tày còn có điệu l- ợn phong sl- ơng. Phong sl- ơng là làn điệu hát thơ, là những bức th- viết bằng thơ dành cho lứa tuổi thanh niên nam, nữ x- a rất phổ biến. Phong sl- ơng dùng để diễn tả những bài thơ, nói đúng hơn là những bức th- , về tình yêu đôi lứa, những bức th- của những ng- ời yêu nhau mà không lấy đ- ợc nhau với nhiều lí do.

Đêm ngày buồn vắng nhớ ai
Cầm bút chép hai bài văn gửi bạn
Vài dòng gọi là tạm đ- a tin
Nhớ đến bạn tình duyên xao xuyến
Nhớ bạn ngày tha thẩn v- ờn h- ơng
Nhớ bạn đến n- ớc mắt năng rơi

Ngoài ra ng- ời Tày còn có làn điệu Quan Làng, là làn điệu chuyên hát trong đám c- ới.

2.7.2. Sli Nùng Phàn Lục Ngạn với l- ợn Tày

Về nội dung và hình thức diễn x- ớng:

Sli của ng- ời Nùng Phàn Slình cũng nh- l- ợn của ng- ời Tày đều là hình thức hát giao duyên đối đáp nam nữ, là hình thức sinh hoạt văn hoá tinh thần của hai dân tộc nói trên.

-Nội dung các cuộc hát diễn ra t- ơng đối giống nhau. Nội dung các bài hát đều xoay quanh các chủ đề tình yêu đôi lứa và tình yêu quê h- ơng đất n- ớc, phản ánh đời sống sinh hoạt của ng- ời dân.

Nh- ng ta thấy Sli của ng- ời Nùng khác với L- ợn của ng- ời Tày về giọng điệu và làn điệu.

-Sli của ng- ời Nùng Phàn Slình là làn điệu sli hai giọng, là hình thức hát bè một giọng cao một giọng thấp nên khi hát bao giờ mỗi bên cũng phải có hai ng- ời nam và nữ. Chính vì vậy giọng hát của làn điệu sli của ng- ời Nùng Phàn Slình bao giờ cũng rất khoẻ khoắn, mạnh mẽ và sôi nổi hơn điệu l- ợn của ng- ời Tày, thể hiện rõ nét ở những cuộc sli ngoài trời vào những ngày chợ tình, hội hè. Chỉ có hát sli Cổ Lảu đ- ợc hát trong đám c- ới là giọng hát đơn và làn điệu Cổ Lảu về làn điệu cũng nh- cách thức hát giống với hát Quan Làng của ng- ời Tày.

-Còn làn điệu l- ợn của ng- ời Tày là làn điệu giọng đơn, không phối bè nên giọng điệu mềm mại hơn.

Các hình thức diễn x- ớng sli- l- ợn:

Ng- ời Nùng Phàn Slình có bốn hình thức hát chính là:

- Hát ban ngày: hát giao duyên đối đáp nam nữ không có bài cụ thể, hát tự do.

- Hát ban đêm: Hát đối đáp giao duyên có bài cụ thể hát về đời sống sinh hoạt , tình yêu quê h- ơng đất n- ớc, hát kể các câu chuyện cổ tích.

- Hát trong đám c- ới: Cổ Lảu

- Hát trong các ngày lễ: sinh nhật, tang lễ.

Ng- ời Tày:

- Hát ban ngày (hát ngoài trời- l- ợn sl- ơng): Cũng hát tự do có bài hoặc không có bài cụ thể. Hát giao duyên nam nữ, ở các phiên chợ.

- Hát ban đêm: Có cả l- ợn sl- ơng, l- ợn phong sl- ơng: l- ợn ở trong nhà có bài cụ thể theo trình tự cụ thể.

- Hát trong đám c- ới: Quan Làng

Với những đặc điểm về không gian, thời gian diễn x- ớng, lời ca, cấu trúc âm nhạc nh- đã trình bày ở trên, chúng ta có thể thấy rằng, hát sli –l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình nói chung và ng- ời Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn nói riêng là sản phẩm văn hoá tinh thần của ng- ời dân Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang. Nó đã ra đời và tồn tại trong nhiều thế kỉ qua. Nó là ph- ơng tiện biểu hiện, thu hút mọi ng- ời, tạo nên không khí chan hoà, tình nghĩa keo sơn giữa ng- ời với ng- ời trong cộng đồng ng- ời Nùng. Nó là tiếng nói của tâm hồn, của - ớc mơ, tình cảm, nhất là tình yêu đôi lứa, là sự gắn kết của ng- ời Nùng với thiên nhiên, với thời đại một cách cao đẹp. Nó là động lực để đ- a con ng- ời v- ơn lên tầm cao mới.

CH□ƠNG 3

TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA TỤC HÁT SLI NÙNG Ở LỤC NGẠN

3. 1. Tiềm năng du lịch nói chung ở Lục Ngạn

3.1.1. Tự nhiên

Nh- đã trình bày ở phần trên, Lục Ngạn là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, tuy địa hình phần lớn là đồi núi, gây khó khăn rất nhiều cho hoạt động sản xuất nông nghiệp song nó lại đem đến cho Lục Ngạn một tiềm năng rất lớn đó là du lịch.

Thuận lợi:

-Vị trí:

Lục Ngạn là một huyện miền núi, nằm trên trục đ- ờng quốc lộ 31, với trung tâm huyện lị là thị trấn Chũ, cách thành phố Bắc Giang 40km.

-Giao thông:

Giao thông của huyện thuận cả về đ- ờng bộ lẫn đ- ờng sông. Đó chính là 3 con sông: sông Lục Nam, sông Cầu và sông Th- ơng thơ mộng và hiền hòa, là quốc lộ 31 nối với nhiều địa ph- ơng khác. Đây sẽ là một cơ hội để huyện Lục Ngạn phát triển nhiều loại hình du lịch cùng tồn tại trên địa bàn.

-Thời tiết:

ở Lục Ngạn m- a bão tập trung vào tháng 7,8,9 với l- ợng m- a trung bình hàng năm là 1485.9mm. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 24.6 độ C, nhiệt độ cao nhất là 37.5 độ C, thấp nhất là 7 độ C. Tháng lạnh nhất là tháng 3. Đây sẽ là một nhiệt độ rất thích hợp cho khách du lịch tới tham quan.

3.1.2. Tiềm năng xã hội

-Bắc Giang là một trong những vùng đất giàu bản sắc văn hóa vào bậc nhất của Việt Nam, với hơn 1300 di tích lịch sử văn hóa(trong đó có 256 di

tích đã đ- ợc xếp hạng) cùng hàng ngàn lễ hội truyền thống diễn ra quanh năm ở khắp các bản làng, thôn xóm. Với 26 dân tộc anh em nh- : Tày, Nùng, Cao Lan, Sán Chí….mỗi dân tộc mang một nét văn hóa riêng tạo nên nét đặc tr- ng có thể kết hợp để phục vụ cho hoạt động du lịch.

-Hồ Khuôn Thần nổi tiếng với vẻ đẹp trong xanh màu ngọc bích, ven hồ có nhiều đồng bào dân tộc ít ng- ời sinh sống nh- Sán Chí, Cao Lan, Tày, Nùng và giàu bản sắc văn hóa, với những làn điệu hát sli, soong hao, l- ợn làm say đắm lòng ng- ời. Nơi đây còn có đền T Mó thờ danh t- ớng thời Trần đã đ- ợc nhà n- ớc xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa. Ngoài ra, đến với Lục Ngạn du khách còn đ- ợc th- ởng ngoạn nhiều trái cây ăn quả nổi tiếng nh- : vải thiều, hồng không hạt, dứa. Đây là nơi lý t- ởng để xây dựng khu du lịch nghỉ d- ỡng, vui chơi, giải trí nh- chèo thuyền, leo núi, tr- ợt cỏ và đặc biệt là phát triển loại hình du lịch miệt v- ờn đang rất đ- ợc - a chuộng.

-Đến với Bắc Giang, chúng ta không thể bỏ qua thứ r- ợu vang danh Nam Bắc- r- ợu lang Vân.

-Bên cạnh đó là làng gốm Thổ Hà, gốm ở đây khác với nơi khác là không phải dựng men, gốm của Thổ Hà để nghìn năm không bị mất màu.

-Hàng năm có tổ chức các cuộc thi hát sli giữa các địa ph- ơng với nhau nhằm thu hút sự quan tâm của ng- ời dân ở đây cũng nh- thu hút khách du lịch khi đến với Lục Ngạn.

3. 2. Giá trị và tiềm năng du lịch của tục hát sli

3.2.1. Giá trị về tinh thần

Có thể nói, cách đây không lâu sli- l- ợn là đời sống tinh thần của đồng bào Tày Nùng nói chung và dân tộc Nùng Phàn Slình ở Lục Ngạn nói riêng,đã góp phần xây dựng đời sống tinh thần các làng, bản thêm phần phong phú.Lời ca tụng không khí phấn khởi, sảng khoái của nam thanh nữ tú gặp gỡ trao đổi sau những ngày lao động vất vả, một phần nào đã vơi bớt đ- ợc khó khăn đời th- ờng, hàng ngày b- ơn trải làm ruộng, lên

n- ơng…tạo cho con ng- ời một niềm vui, một sự an ủi lớn để từ đó con ng- ời thêm tin, thêm yêu cuộc sống hơn. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, các thiết chế văn hoá, các hoạt động văn hoá nghệ thuật ch- a đáp ứng đ- ợc yêu cầu h- ởng thụ văn hoá của nhân dân thì hát sli càng có giá trị tinh thần trong đời sống của họ.

3.2.2. Giá trị giao l- u cố kết cộng đồng (xã hội)

Hát sli-l- ợn cũng là một hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Từ những cuộc hát ấy đã tạo điều kiện cho ng- ời dân địa ph- ơng đ- ợc h- ởng thụ và có cơ hội để gặp gỡ, giao l- u. Thông qua các cuộc hát sli nh- vậy tình cảm giữa cá nhân với cá nhân, giữa thôn bản này với thôn bản kia ngày càng gắn bó mật thiết, và nhiều đôi nam nữ đã nên vợ nên chồng, nhiều ng- ời đã kết nghĩa thành những bạn Tồng thân thiết. Cho đến nay về các bản làng ở Lục Ngạn vẫn có thể gặp đ- ợc mối quan hệ kết nghĩa bạn Tồng cuả các cụ ngày x- a. Các cụ vẫn còn tìm gặp nhau khi bạn Tồng có việc vui nh- làm nhà mới, dự tiệc vui trong ngày c- ới con, c- ới cháu… Thăm bạn Tồng trong những lúc ốm đau bệnh tật, hay nghe tin bạn Tồng khuất núi thì đều đến hỏi thăm. Mối quan hệ cộng đồng không chỉ mang tính chất thuần tuý đời th- ờng mà nó đã đ- ợc sự gắn bó bằng dòng họ, huyết thống, gia tộc, do vậy cấu kết cộng đồng ngày càng bền chặt. Không những vậy vốn văn hoá từng địa bàn, vùng, khu vực còn có dịp giao l- u, học hỏi kinh nghiệm làm giàu vốn dân ca cho địa ph- ơng mình, đây còn là những dịp ng- ời lao động tham gia tái tạo, sáng tạo, bảo l- u văn hoá truyền thống qua các thế hệ.

3. 2.3. Giá trị văn hóa, giáo dục

Hát sli cũng là nền tảng góp phần vào giáo dục về sự phát triển về đạo đức, phép đối nhân xử thế, cũng nh- tri thức hiểu biết về truyền thống dân tộc, hiểu biết về giá trị tình yêu quê h- ơng đất n- ớc và con ng- ời. Sli còn

cung cấp một l- ợng kiến thức về lao động sản xuất những kinh nghiệm canh tác tích luỹ từ bao đời nay cho thế hệ đi sau.

3. 2.4. Giá trị văn học dân gian

Bên cạnh những giá trị đã nêu thì sli còn có giá trị đặc biệt về nội dung văn học dân gian. Các bài hát sli là những tác phẩm văn học gian có nhiều giá trị. Ngoài phản ánh các cung bậc, sắc thái tình cảm của con ngời trong tình yêu đôi lứa, nội dung các cuộc hát sli còn đề cập tới nhiều chủ đề của cuộc sống: phản ánh cuộc sống thanh bình của các làng, bản, cũng nh- - những buồn vui thăng trầm của họ…

Hát sli còn đ- ợc thể hiện về môi tr- ờng tự nhiên: bao gồm tri thức về đất đai, nguồn n- ớc, cây cối, động vật, thực vật, về thời tiết khí hậu.. những tri thức này vô cùng phong phú vừa mang tính phổ quát vừa mang tính địa ph- - ơng.

Bên cạnh những tri thức về thiên nhiên, môi tr- ờng. Chúng ta còn thấy tri thức về lao động sản xuất. Con ng- ời nơi đây chủ yếu làm nghề trồng trọt, chăn nuôi thuần tuý. Họ trồng các cây l- ơng thực nh- lúa ngô, khoai, sắn và các cây ăn quả để làm nguồn sống hơn thế nữa hat sli còn cung cấp cho con ng- ời những ứng xử cộng đồng rất hữu ích.

Qua phân tích trên ta thấy hát sli không chỉ có giá trị về nghệ thuật mà còn có ý nghĩa giá trị văn học rất to lớn.

Điều đó thể hiện ở chỗ dùng một làn điệu mà chuyển tải đ- ợc các lời thơ mang giá trị nghệ thuật văn học dân gian sâu sắc, làn điệu sli chủ yếu dùng các thể thơ dân gian của chính dân tộc bản địa. Ng- ời dân vừa diễn x- ớng vừa ứng tác tại chỗ, cảm xúc theo đối t- ợng không gian và thời gian đều thể hiện những cung bậc khác nhau. Tất cả đ- ợc thể hiện qua một làn điệu dựa theo các thể thơ: lục bát, thất ngôn tứ tuyệt, năm chữ hay tự do. Tất cả làn điệu sli đã đ- a lại cho cuộc sống dân tộc Nùng một khối tri thức lớn, một giá trị văn hoá, văn học dân gian vô cùng phong phú.

3.2.5. Giá trị nghệ thuật

Làn điệu sli là một làn điệu hát x- ống dân gian có nghệ thuật. Nó đòi hỏi nghệ thuật về thanh nhạc rất cao, bởi khi hát sli -l- ợn không có nhạc đệm mà chủ yếu ng- ời ta vận dụng lối hát dân gian, đòi hỏi hát chuẩn, chính xác. Điều đặc biệt lối hát sli- l- ợn này là dùng nghệ thuật hát bè, phối bè nh- hình thức hát giao duyên, có sức lôi cuốn đặc biệt, lạ kì bởi ban đầu thì họ hát đối đáp tập thể bên nam và bên nữ, đến cuối buổi họp chợ thì đám đông của tốp nam, tốp nữ tự nhiên chia tách, xé lẻ thành từng đôi một, đến đây chúng ta thấy hình thức diễn x- ống trong sli- l- ợn đã chắp cánh cho tình yêu đôi lứa nảy nở, nó đi về đâu thì thiên nhiên và cảnh vật ở núi rừng cũng thu hút hay mời chào đôi lứa đến đó để tự tình. Hết đối đáp tự tình ở chợ lại đến các cuộc hát ban đêm ở trong làng, bản suốt thâu đêm và tình yêu cũng nảy nở từ đây. Qua cuộc hát giao duyên nhiều đôi lứa đã thành vợ thành chồng, điều đó chỉ có nghệ thuật sli- l- ợn mới có. Qua đây chúng ta hình dung đ- ợc các giá trị nội dung nghệ thuật này nó mới có sức mạnh tr- ờng tồn và phát triển cho tới ngày nay.

Từ những giá trị nêu trên, một lần nữa ta khẳng định sli- l- ợn là tiếng nói tâm hồn tình cảm của dân tộc Nùng Phàn Slình. Sli- l- ợn cũng là nghệ thuật hát thanh nhạc của dân tộc Nùng Phàn Slình.

Sli-l- ợn cũng là những làn điệu dân ca của dân tộc Nùng mà ng- ời ta đã m- ợn nó, dùng nó để chuyển tải những nội dung văn học, thơ ca mang cảm xúc của con ng- ời tr- ớc cảnh vật và cuộc sống. Một làn điệu luôn mang vẻ đẹp tâm hồn, hồn nhiên, giản dị, trong suốt nh- n- ớc suối giữa rừng, v- ợt qua năm tháng nó vẫn sống mãi với thời gian và rung động lòng ng- ời.

Nh- vậy với những giá trị đã nêu ở trên thì tục hát sli là một tiềm năng để huyện Lục Ngạn có thể phát triển du lịch văn hóa nh- : khách du lịch có thể tham quan cách thức tổ chức hát sli một cách trực tiếp vào đúng ngày diễn ra lễ hội, hoặc nếu không vào ngày hội thì khách cũng có thể nghe

bằng băng, xem các nghệ nhân biểu diễn lại . Khách cũng có thể tìm hiểu nội dung, ý nghĩa, giá trị của hiện t- ợng văn hóa này qua lời kể của ng- ời dân ở đây.

3.3. Thực trạng tục hát sli của ng- ời Nùng ở Lục Ngạn

Qua khảo sát, nghiên cứu, tìm hiểu thực tế ở Lục Ngạn của tác giả thì thấy một thực trạng là làn điệu sli của ng- ời Nùng Phàn Slình trong huyện Lục Ngạn không còn diễn ra nh- tr- ớc nữa.

Qua điều tra xã hội học thì có tới 98% lớp thanh niên trẻ hiện nay không biết hát những làn điệu sli truyền thống của dân tộc mình nữa. Họ chỉ biết tr- ớc đây lớp các cụ bằng lứa tuổi mình bây giờ vẫn hát và diễn ra rất sôi nổi. Nh- ng nay gần nh- bị lãng quên thậm chí có ng- ời thanh niên trẻ tuổi hơn thì không biết hát sli là cái gì nữa.

Về ng- ời già có tuổi từ 50 tuổi trở lên có tới 90% đều biết hát và còn nhớ nh- ng không nhiều. Còn tầm lớp tuổi từ 30 đến 40 tuổi thì ít ng- ời còn hát đ- ợc, chỉ biết sli nó đã từng tồn tại và gắn bó với cuộc sống của họ.

Nh- vậy có thể thấy không khí hát sli -một hình thức sinh hoạt văn hoá đã gắn bó với tộc ng- ời Nùng, trải qua những thăng trầm của lịch sử nay không còn nữa. Trong các phiên chợ tình, chợ hội lác đác còn thấy thấp thoáng vài bóng áo chàm nh- ng không còn thấy tiếng hát cất lên giữa phiên chợ nữa. Không chỉ những phiên chợ mà trong đám c- ới hay trong đời sống sinh hoạt th- ờng ngày cũng không còn nữa. Đặc biệt những đêm sli không còn tồn tại, nó đã đi vào dĩ vãng. Mà bao ng- ời có tuổi khi đ- ợc hỏi vẫn cảm thấy luyến tiếc và vẫn ao - ớc có một đêm sli nh- tr- ớc đây. Nh- ng điều đó chỉ là mơ - ớc còn thực tế rất là khó. Vì lớp trẻ thanh niên nam nữ hiện nay có một tâm lý: hát sli - l- ợn chỉ có những ng- ời dở hơi mới hát mặc dù họ một chữ bẻ đôi cũng không biết. Thật đáng tiếc và đáng xấu hổ khi nhìn thấy lớp trẻ hiện nay thờ ơ với chính những cái gọi là tinh hoa, bản sắc văn hoá của chính dân tộc mình nh- vậy.

Khi điều tra ở ba lứa tuổi khác nhau thì có những phản ứng khác nhau:

Lứa tuổi từ 50 trở lên thì họ luôn cảm thấy luyến tiếc và không biết phải làm gì để bảo tồn đ- ợc nét văn hoá của mình. Nhiều cụ còn những quyển sách ghi chép các cuộc sli, những bài sli. Họ cất giữ nh- của quý trong gia đình và họ - ớc ao đ- ợc trở lại những đêm sli hào hứng sôi nổi nh- tr- ớc.

Còn lứa tuổi từ 30 đến 40 tuổi thì đều có ý thức cho rằng làn điệu sli rất hay và đó là một nét văn hoá đã gắn bó từ lớp đàn anh, đàn chị lớp tr- ớc.

Còn lứa tuổi từ 20 tuổi trở lại đây không còn biết về làn điệu sli nữa mà chỉ đ- ợc kể lại ngày x- a làn điệu sli đã tồn tại nh- vậy nh- ng hát thế nào, tổ chức ra sao thì đó chỉ là nghe kể lại nh- những câu chuyện cổ tích mà thôi.

Một vài năm trở lại đây d- ới tác động của nghị quyết Trung - ơng 5 khoá VIII của Đảng về văn hoá, đ- ợc chỉ đạo của Sở văn hoá- thông tin, Uỷ Ban nhân dân huyện Lục Ngạn cũng nh- phòng văn hoá- thông tin đã tìm cách khôi phục và duy trì làn điệu sli bằng cách: vào những dịp đầu xuân, các cơ quan chức năng đã tổ chức hội diễn văn nghệ, hội hát soong hao ở Lục Ngạn nh- ngày 12 tháng giêng ở Tân Sơn và ngày 18 tháng 2 ở Chũ và một số hội hát dân ca các xã… đã thu hút rất đông các dân tộc thiểu số tham gia, trong đó có làn điệu sli của ng- ời Nùng Phàn Slình .

Nh- ng điều đó mới chỉ là bắt đầu và chỉ nh- mò kim đáy bể ,bởi không gian biểu diễn bị bó hẹp trên sân khấu không phản ánh đ- ợc khí thế và phong cách biểu diễn sôi nổi nh- ngày xa nữa. Có lẽ cách làm này không phù hợp vì nó ch- a thu hút đ- ợc đại đa số quần chúng nhân dân.

3.3.Những nguyên nhân dẫn đến sự mai một của làn điệu sli.

Qua điều tra khoả sát thì ng- ời viết đ- ợc biết một số nguyên nhân chính dẫn đến sự mai một và mất đi điệu sli nh- sau:

Phần lớn có ý kiến cho rằng do không đ- ợc truyền đạt lại cộng với nền kinh tế ngày càng phát triển, ph- ơng tiện đi lại giờ đây đã dễ dàng hơn ngày

tr- ớc, nên đi chợ hay đi đâu đều rất thuận tiện, cũng nh- đi không có ph- - ờng bạn nh- ngày x- a nữa. Vì vậy, những đêm hát sli dần bị nhàm và mất đi.

Thứ hai các phiên chợ hội, chợ tình vào dịp đầu xuân mang tính chất thực dụng, giao l- u mua bán hàng hoá là chủ yếu nên tính chất vui chơi cũng nh- tìm hiểu kết bạn không còn nh- ngày xa.

Thứ ba nền kinh tế hàng hoá phát triển kéo theo sự cạnh tranh gay gắt nên mọi ng- ời chỉ lo làm ăn kiếm tiền mà dần lãng quên đi, những thời gian nhàn rỗi ít dần đi khiến cho các cuộc hát sli không đ- ợc duy trì .

Thứ t- khi kinh tế phát triển, đời sống ng- ời dân đ- ợc nâng cao nên sắm đ- ợc đài, ti vi,… nền văn hoá ngoại đã dần thâm nhập và chiếm lĩnh vị trí của sli-l- ợn. Chính vì lẽ đó làn điệu sli đã dần bị lãng quên. Vào những thời gian rỗi hay các buổi tối không thấy ng- ời già kể chuyện , dậy hát nh- ngày x- a nữa.

Thứ năm sự nhận thức của lớp trẻ ngày càng thờ ơ với những bản sắc của chính mình, coi đó là sự lạc hậu, suy nghĩ của lớp trẻ về nhạc ngoại hát mới là tiến bộ, mới là đổi mới. Chính vì lẽ đó mà họ đã đánh mất giá trị văn hoá của chính mình, vấn đề này không chỉ ở Lục Ngạn mà tình trạng các nơi khác cũng vậy.

Thứ sáu về tình trạng bảo tồn và phát triển của các ngành các cấp có liên quan cũng ch- a có những biện pháp, hay những đề án cụ thể để bảo tồn có hiệu quả các làn điệu dân ca của các dân tộc, sự đầu t- còn hạn chế, cũng nh- việc đào tạo cán bộ, văn nghệ sĩ dân tộc để bảo tồn hầu nh- ch- a đáp ứng đ- ợc nhu cầu phát triển hiện nay.

3.4. Giải pháp khai thác tục hát sli phát triển du lịch

Sự biến đổi của làn điệu sli ngày nay so với thời x- a xét về tính phổ biến đã không còn. Số l- ợng ng- ời biết hát sli ngày càng ít đi. Đối t- ợng hát đ- ợc sli chỉ còn những ng- ời già.

Xét về tầm quan trọng, ng- ời dân dần cảm thấy hát sli không còn quan trọng trong đời sống nữa. Dù vẫn có đa phần ý thức đ- ợc rằng đó là một nét văn hoá đặc sắc cuả riêng dân tộc mình nh- ng trong bối cảnh kinh tế thị tr- - ờng nh- hiện nay, họ không còn cảm thấy hát sli thật sự có ý nghĩa nữa. Thanh niên nam, nữ không thích hát sli mà thích xem phim, nghe nhạc hiện đại.

Về nội dung của làn điệu sli trong vài năm trở lại đây có sự biến đổi đáng kể. Vì họ chỉ thể hiện trên sân khấu nên th- ờng sáng tác những bài ca ngợi Đảng, Bác Hồ, nhiều hơn những bài có nội dung về tình yêu đôi lứa. Chính vì lẽ đó mà ẩn ý của câu sli đ- ợc coi là đặc biệt và hay nhất của làn điệu cũng bị biến đổi, các câu sli mang thuần nghĩa đen với tác dụng tuyên truyền nhiều hơn.

Chính vì thế cái hay của sli không còn bay bổng bóng gió, ví von nh- tr- ớc nữa khiến cho ng- ời nghe cũng không cảm thấy hay và lôi kéo nh- - x- a.

Sự biến đổi còn thể hiện ở cả không gian và thời gian, địa điểm biểu diễn. Nếu nh- tr- ớc đây trên các con đ- ờng đầu thôn, ngoài chợ đâu đâu ng- - ời ta cũng có thể cất tiếng sli. Thì nay không gian biểu diễn bị thu hẹp lại trên sân khấu của ban tổ chức lễ hội chứ không còn tự nhiên, gần gũi với thiên nhiên nh- ở các đồi sim, vệ đ- ờng nh- x- a. Chính vì thế sự vô t- hồn nhiên của sli không còn mà chỉ còn mang tính chất biểu diễn và giao l- u văn nghệ.

Thời gian biểu diễn cũng không còn đ- ợc kéo dài mà đã rút ngắn theo thời gian đã quy định tr- ớc của ban tổ chức. Số l- ợng bài cũng ngày càng giảm đI, nội dung phản ánh không đ- ợc phong phú, nên giá trị văn học dân gian của sli cũng bị đánh mất.

Chính sự biến đổi nh- vậy nếu làn điệu sli không đ- ợc khôi phục và bảo tồn kịp thời thì trong t- ơng lai không xa làn điệu hát sli của ng- ời Nùng nói

chung cũng nh- ng- ời Nùng ở Lục Ngạn nói riêng sẽ bị lãng quên, làn điệu sli chỉ còn trong kí ức của một số ng- ời mà thôi.

3.5. Một số khuyến nghị về bảo tồn và phát triển tục hát sli

Vấn đề bảo tồn, phát huy và phát triển văn hoá truyền thống dân tộc là chủ tr- ơng, đ- ờng lối của Đảng và Nhà n- ớc trong xây dựng nền văn hoá mới " nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc". Hát dân ca sli của ng- - ời Nùng Phàn Slình cũng nh- mọi hình thức văn hoá dân gian cổ truyền khác trên các vùng miền của tỉnh Bắc Giang ngày nay cũng nằm trong quy luật chung trong sự bảo tồn và phát triển của nhà n- ớc ta.

Cá nhân tôi cho rằng, muốn bảo tồn và phát triển vốn văn hoá dân gian truyền thống tr- ớc hết phải giữ đ- ợc bản sắc văn hoá dân tộc và tính cộng đồng của nó. Khi tiếp cận và xử lý từng đối t- ợng, loại hình cụ thể phải l- u ý đến đặc tr- ng nghệ thuật của chúng. Có nh- vậy trong kế thừa và phát triển chúng ta mới phát huy đ- ợc những giá trị đích thực, đồng thời loại bỏ những cái không phù hợp với đặc tr- ng của nó.

Đối với làn điệu sli của ng- ời Nùng Phàn Slình, sau khi tìm hiểu điều kiện lịch sử, môi tr- ờng văn hoá xã hội, tính cổ truyền với sự định hình các đặc tr- ng thể loại, hình thức diễn x- ớng và những ảnh h- ởng của nó trong quần chúng nhân dân, tôi xin đ- ợc đ- a ra một số suy nghĩ b- ớc đầu về ph- - ơng h- ớng bảo tồn và phát triển nó trong giai đoạn hiện nay.

**** Tổ chức s- u tầm, nghiên cứu***

Điều kiện thiết yếu tr- ớc tiên để bảo tồn và phát triển làn điệu sli của ng- - ời Nùng Phàn Slình là phải đào tạo một đội ngũ cán bộ có chuyên môn trong các lĩnh vực nh- dân tộc học, ngôn ngữ học, văn nghệ sĩ. Đội ngũ cán bộ đ- ợc đào tạo phải chính là ng- ời dân tộc Nùng Phàn Slình đang gắn bó với chính địa ph- ơng của họ, các cán bộ làm nhiệm vụ s- u tầm cần phải đ- - ợc đào tạo nghiệp vụ do Sở Văn hoá - Thông tin Bắc Giang điều hành, quản

lý, kết hợp với mạng l- ới cộng tác viên có trình độ ở các phòng văn hoá thông tin, trung tâm văn hoá các huyện, có ng- ời Nùng Phàn Slình sinh sống. Tổ chức phục dựng lại nh- cũ, ghi âm, ghi hình để làm thành đĩa hình phục vụ nhân dân. Tổ chức phục dựng lại nh- cũ, để ghi âm, ghi hình để làm thành đĩa hình phục vụ nhân dân. Hình thức xuất bản sách nguyên tiếng dân tộc và làm đĩa hình phục dựng lại nguyên gốc, nguyên bản từ các nghệ nhân. theo tôi đây là một cách bảo tồn có hiệu quả nhất. Và cũng chính những giai điệu, tiết tấu đ- ợc ghi lại do các nghệ nhân có uy tín hát là cơ sở cho các nhà nghiên cứu, phân tích và đánh giá. Tất cả những t- liệu s- u tầm đ- ợc phải đ- ợc sử dụng làm t- liệu cho phòng bảo tàng, th- viện, phòng truyền thống.

Từ truyền thống hát của bà con làng bản, ta có thể dựng thành phim, giới thiệu cho nhân dân địa ph- ơng, nhân dân trên địa bàn tỉnh và cả n- ớc biết đ- ợc về thể loại thơ ca này. Qua đó mọi ng- ời thấy đ- ợc cái hay, cái đẹp tạo đ- ợc niềm phấn khởi, tự hào về làn điệu dân ca sli Nùng Phàn Slình.

**** Khôi phục các lễ hội, diễn x- ớng sli***

Để giữ gìn, chấn h- ng và phát triển hát dân ca sli của ng- ời NùngPhàn Slình chúng ta không chỉ có nghiên cứu s- u tầm, phổ biến mà còn phải biết tạo cho nó một môi tr- ờng phù hợp. Đó chính là những tập tục sinh hoạt trong nhân dân. Chỉ khi nào hát sli Nùng Phàn Slình đ- ợc trả về với những sinh hoạt th- ờng trực của nhân dân thì nó mới sống lâu và phát triển mạnh. Hát sli-l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình là hình thức gắn với đời sống, nghi lễ phong tục, bản sắc riêng của ng- ời Nùng Phàn Slình nh- : hát ban ngày, hát ban đêm, đám c- ới, các nghi lễ và sinh hoạt đời th- ờng. Tuỳ theo hình thức hát mà có nội dung, quá trình diễn x- ớng phù hợp.

Do vậy, muốn bảo tồn và phát triển, ta phải đ- a dân ca vào nghi lễ, phong tục (đây chính là môi trờng nuôi d- ỡng và tồn tại của hát giao

l- u đêm dài sli). Do những biến động của lịch sử, tác động của môi tr- ờng văn hoá toàn thế giới, chúng ta đang đứng tr- ớc thời điểm có nhiều luồng văn hoá ph- ơng Tây du nhập, ảnh h- ởng không nhỏ đến ng- ời dân nói chung trong đó có dân tộc Nùng. Từ đó dẫn đến hát sli ngày nay không đ- ợc bài bản nh- tr- ớc. Trên b- ớc đ- ờng chấn h- ng văn hoá dân tộc, chúng ta chủ tr- ơng khôi phục những lễ hội có nội dung lành mạnh, chứa đựng những yếu tố thuần phong, mỹ tục, giữ được bản sắc văn hoá dân tộc, nhiều lễ hội kết hợp giữa nội dung cổ truyền và nội dung mới. Phục vụ cho nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân. Chúng ta phải tổ chức lễ hội th- ờng xuyên hằng năm và đ- a hát dân ca sli ng- ời Nùng Phàn Slình trở về môi tr- ờng nội sinh văn hoá, đặc biệt các ngày hội hát soong hao ở Chũ vào ngày 18/2 hằng năm âm lịch. Theo tôi nghĩ đối với hát sli ng- ời Nùng Phàn Slình một mặt nên dựng lại môi tr- ờng diễn x- ớng và lễ hội cổ truyền và các hình thức diễn x- - ớng càng gần với nguyên bản càng tốt, mặt khác cũng nên đ- a làn điệu sli vào các hình thức văn hoá nghệ thuật mới, trên cơ sở đó có thể cách tân cho phù hợp với thời đại hiện nay. Hai xu h- ớng này là cần thiết không nên coi nhẹ xu h- ớng nào. Thực chất cho thấy một số nghệ nhân đã có tác phẩm sli mới về tuyên truyền về ăn uống hợp vệ sinh, về Đảng, về Bác Hồ đ- ợc mọi ng- ời dân h- ởng ứng và đồng tình.

**** Đ- a Sli vào hoạt động văn nghệ quần chúng***

Đ- a hát sli về với đồng bào con em các dân tộc trong phong trào văn nghệ quần chúng của nhân dân các huyện miền núi là một việc làm không đơn giản, bởi lẽ với những làn điệu, bài hát cổ truyền thống tuy có giá trị cao về nghệ thuật nh- ng ch- a hẳn đã là sở thích của đồng bào dân tộc hiện nay, nhất là lớp trẻ. Nh- ng nếu chúng ta làm đ- ợc thì đây cũng là một biện pháp tốt để bảo tồn và phát huy mặt tích cực của vốn cổ dân tộc trong thời đại mới.

Tôi nghĩ, nếu đ- ợc nuôi d- ỡng và phát triển trong phong trào ca hát quần chúng thì dân ca sli-l- ợn có sức lan tỏa mạnh mẽ. Để cho hình thức hát dân ca này vào đ- ợc phong trào ca hát quần chúng, tr- ớc hết ta phải làm cho quần chúng hiểu đ- ợc giá trị nghệ thuật và nội dung của nó. Từ đó quần chúng cảm nhận và yêu quý nó hơn. Chính sự yêu quý xuất phát từ mỗi cá nhân mới là nền tảng vững chắc cho nghệ thuật hát dân ca phát triển. Muốn làm đ- ợc việc này, ta phải tổ chức các buổi diễn giảng về hát dân ca sli-l- ợn tại các thôn, bản trong các xã. Những ng- ời tham diễn giảng phải có trình độ hiểu biết về thể loại này ví dụ: có thể là nghệ nhân có uy tín vừa giảng giải vừa trình diễn minh hoạ, giúp cho đối t- ợng hiểu sâu hơn. Cũng có thể phối hợp với cơ quan tuyên truyền, sử dụng các ph- ơng tiện thông tin tuyên truyền, sử dụng các ph- ơng tiện thông tin đại chúng nh- : báo chí, phát thanh, truyền hình địa ph- ơng, của trung - ơng để thuyết trình và biểu diễn những bài ca mang tính bài bản, chính thống. Qua đó giúp việc nhận thức về thể loại dân ca này ngày một tốt hơn.

Cần tổ chức xây dựng các câu lạc bộ về hát dân ca sli-l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình tại những nơi, những địa điểm đ- ợc coi là gốc của làn điệu sli. Các thành viên của câu lạc bộ này th- ờng xuyên đ- ợc sinh hoạt, luyện tập ca hát. Ngoài ra họ còn có nhiệm vụ s- u tầm, chỉnh lý những bài ca còn sót lại trong quần chúng nhân dân. Hàng năm cần tổ chức liên hoan giữa các câu lạc bộ với nhau. Thông qua đó chọn những ng- ời tích cực, có giọng hát hay, hát đúng có chất l- ợng nghệ thuật để xây dựng phong trào ca hát trong những năm tiếp theo. Mỗi tỉnh, huyện nên có những buổi giao l- u, học hỏi với các tỉnh, huyện khác để rút ra bài học kinh nghiệm cho mình.

**** Đ- a Sli vào các tr- ờng học***

Đ- a làn điệu sli vào các nhà tr- ờng phổ thông cũng nh- các tr- ờng trung cấp nghệ thuật là việc làm cần thiết. Cũng nh- nhiều loại hình nghệ thuật khác, đây là tài sản chung của nền văn hoá dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, ta đã biết làn điệu sli dù có giá trị nghệ thuật cao nh- ng phạm vi ảnh h- ởng của nó còn hạn chế, nó vẫn chỉ tồn tại trong một tộc ng- ời. Vì vậy, không phải không có khó khăn khi đ- a làn điệu dân ca này vào nhà tr- ờng.

Theo tôi đối với các tr- ờng tiểu học và tr- ờng trung học cơ sở ở các vùng có dân số đông là ng- ời Nùng thì ngoài những bộ môn chung về hát nhạc nằm trong ch- ơng trình của Bộ giáo dục và đào tạo, ta nên đ- a thêm làn điệu sli-l- ợn vào ch- ơng trình ngoại khoá. Thông qua ch- ơng trình này, b- ớc đầu nhà tr- ờng giúp cho con em thấy đ- ợc cái hay, cái đẹp của làn điệu dân ca sli.

Hình thức tổ chức có thể cho con em tham quan hoặc xem những buổi diễn tại câu lạc bộ hát sli, xem hát sli trong những dịp lễ hội hàng năm. Mặt khác có thể mời các nghệ nhân có uy tín, những nhà nghiên cứu hiểu biết về làn điệu dân ca sli đến giới thiệu cho các em, cho con em đ- ợc nghe thuyết trình, cũng nh- xem những băng hình t- liệu (nếu có). Trong dịp hè hàng năm có thể tổ chức hát sli trong nhà tr- ờng, tạo điều kiện cho các em tham gia vào các hoạt động sinh hoạt hát sli của làng, bản. Bằng con đ- - ờng này chúng ta có thể khơi dậy phong trào yêu thích nghệ thuật hát sli ngay từ khi các em thiếu niên, nhi đồng còn ngồi trên ghế nhà tr- ờng.

Đối với các tr- ờng phổ thông trung học có các em dân tộc đang học cần đ- a hát sli vào thành môn học có phần đánh giá theo từng học kì, hàng năm. Để có chất l- ợng và kết quả, cần phải có kế hoạch, ch- ơng trình, bài học cụ thể, ng- ời tham gia giảng dạy, h- ớng dẫn (vì đối t- ợng học của chúng ta đã tr- ởng thành). Ngoài học hát cũng nên giảng giải về nguồn gốc và sự hình thành phát triển của làn điệu sli, cách hát, hát giao l- u đêm dài có hình ảnh cụ thể để minh hoạ. Cần cho các em đi tham quan giao l- u học hỏi ở những nơi có hát sli-l- ợn phát triển. Nên tổ chức cho các em tham gia sinh hoạt câu lạc bộ, hội thảo mang tính chuyên đề về sli-l- ợn. Nếu có thể thì tổ

chức cho con em thi hát theo ch- ơng trình ngoại khoá của nhà tr- ờng, của đoàn thanh niên, cũng nh- các em học sinh phổ thông cơ sở, vào những dịp hè cho các em sinh hoạt tại địa ph- ơng, có báo cáo kết quả của mình về học hát hoặc s- u tầm những bài hát mới.

Đối với các tr- ờng văn hoá nghệ thuật của tỉnh ngoài ch- ơng trình giáo dục chuyên nghiệp cần có biên soạn giáo trình hoặc tập giảng về dân ca sli- l- ợn của ng- ời Nùng để giảng dạy. Đặc biệt hiện nay nhà tr- ờng đang đào tạo các lớp quản lý văn hoá, hát dân ca, nhạc cụ dân tộc, hát chèo thì việc soạn ch- ơng trình hát dân ca sli-l- ợn ng- ời Nùng để giảng dạy cho các lớp này là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa.

Đối với quản lý văn hoá, ngoài những kiến thức về văn hoá và nghiệp vụ văn hoá việc học hát dân ca dân tộc thiểu số trong đó có sli-l- ợn là không thể thiếu. Bởi sau khi ra tr- ờng, ngoài công ciệc quản lý các mặt hoạt động văn hoá thông tin ở cơ sở, nếu các em hiểu biết đ- ợc và hát đ- ợc những bài dân ca sli-lu- ợn thì sẽ có cái nhìn sâu rộng hơn, có điều kiện gần gũi với bà con dân tộc hơn, tạo hiệu quả hơn trong công tác của mình. Với những giải pháp đã nêu ở trên, chúng tôi nghĩ làn điệu dân ca sli-l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình đ- ợc củng cố, phát triển rộng rãi trong đời sống cộng đồng các dân tộc ở Bắc Giang cũng nh- Lục Ngạn.

**** Đ- a sli-l- ợn vào hoạt động văn hoá du lịch***

Bắc Giang là một tỉnh miền núi về hoạt động văn hoá du lịch có thế mạnh nh- các địa ph- ơng khác nh- ng chúng ta có những điểm đáng l- u ý và có thể khai thác đ- ợc nh- Hồ Khuôn Thần, Hồ Cấm Sơn (Lục Ngạn), Suối Mỡ (Lục Nam). Chính vì vậy, tiềm năng du lịch cần đ- ợc phát huy và duy trì. Hàng năm tỉnh Bắc Giang cũng đón nhiều l- ợt khách về tham quan di lịch tại Hồ Khuôn Thần, Hồ Cấm Sơn, Suối Mỡ. Ngoài sinh hoạt văn hoá nghệ thuật bằng những làn điệu dân ca quan họ và các bài hát dân ca của vùng miền khác thì việc đ- a làn điệu hát sli (giao duyên) vào ch-

- ơng trình du lịch văn hoá sẽ mở ra h- ớng đi mới và có nhiều triển vọng tốt. Ngoài những bài ca, làn điệu gốc mang tính bài bản truyền thống, chúng ta có thể xây dựng những bài ca mới mà gốc là làn điệu sli- l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình để biểu diễn phục vụ lễ hội Khuôn Thần, Hồ Cấm Sơn(Lục Ngạn), Suối Mỡ (Lục Nam) theo định kỳ hàng năm, coi đó là hình thức sinh hoạt văn hoá mang tính truyền thống của ngày hội.

Ngoài ra hàng năm vào dịp hè khách du lịch còn đ- ợc đến thăm các khu sinh thái v- ờn đồi đang đ- ợc xây dựng rộng rãi ở các khu vực miền núi các huyện của tỉnh Bắc Giang nh- : Vùng vải thiều : Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Yên Dũng. Thông qua môi tr- ờng sinh thái v- ờn đồi ta có thể gắn hình thức hát dân ca sli-l- ợn của ng- ời Nùng Phàn Slình vào hoạt động du lịch.

Nh- vậy để gắn làn điệu sli với hoạt động du lịch thì điều đầu tiên chúng ta phải làm đó là:

-Đối với cộng đồng:

+ *Về phía ng- ời dân*: nâng cao nhận thức của ng- ời dân nơi đây để họ biết đ- ợc ầm quan trọng cũng nh- giá trị của tục hát sli mà họ đang có, để từ đó họ tôn trọng chính nền văn hóa của mình, vì chỉ có tôn trọng thì họ mới có những cái nhìn đúng đắn và có những biện pháp hiệu quả để bảo tồn và phát triển. Cần phải nhấn mạnh cho họ biết lợi ích kinh tế của hoạt động du lịch cộng đồng mang lại nếu nh- họ cùng với chính quyền địa ph- ơng làm. "Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch mà tất cả ng- ời dân đều tham gia làm du lịch kết hợp với chính quyền địa ph- ơng nơi sở tại".

+*Về chính quyền địa ph- ơng*: cần có những chính sách đúng đắn và kịp thời nh- : xây dựng các công trình đ- ờng giao thông để thuận tiện cho việc đi lại, tổ chức các ngày hội thi hát sli, giao l- u với các khu vực xung quanh địa ph- ơng mình.

Có những hoạt động tuyên truyền trên các ph- ơng tiện thông tin đại chúng nh- báo, đài, loa truyền thông của địa ph- ơng.

Hỗ trợ về mặt kinh phí để tổ chức các hoạt động thi hát, các lễ hội....., đầu t- xây dựng các các công trình, nhà văn hóa làm nơi sinh hoạt cho ng- ời dân khi tham gia hát sli....

3.6. Một số tour dụ lịch có thể khai thác

*__Tuor 1__: Hải Phòng- Hà Nội- Bắc Giang (2 ngày 1 đêm).

-Ngày 1:+ Sáng: Xuất phát từ Hải Phòng,thăm lăng Hồ Chủ Tịch, Phủ Chủ Tịch.

+Chiều: Tham quan làng gốm Bát Tràng, đi Bắc Giang.

+Tối: Dừng chân ở xã Kiên Lao, nghe và tham gia hát sli.

-Ngày 2:+ Sáng: Tham quan suối Mỡ.

+ Chiều: Tham quan đền Hả, hồ Cấm Sơn và khu du lịch Khuôn Thần.

+Kết thúc ch- ơng trình đoàn trở về Hải Phòng.

Dự kiến giá một khách là 300.000 VND(đã bao gồm thuế VAT) cho đoàn từ 45 khách trở lên.

***Tour 2:** Hà Nội- Bắc Giang(2 ngày1 đêm)

-Ngày 1**:** +Sáng: xuất phát tại Hà Nội, đến Bắc Giang tham quan khu du lịch suối Mỡ và đền suối Mỡ.

+Chiều: tham quan làng nghề Thổ Hà, ATK2- An toàn khu dự bị của Trung - ơng và Xứ ủy Bắc Kỳ, Bảo tàng Hoàng Hoa Thám và Đồn Phổn X- - ơng.

+ Tối: nghe và tham gia hát sli cùng đồng bào.

-Ngày 2:+ Sáng:Tham quan chùa Đức La, thành cổ X- ơng Giang, rừng nguyên sinh Khe Rỗ.

+ Chiều: Tham quan Hồ Cấm Sơn và khu du lịch Khuôn Thần, cây Dã H- ơng hơn 1000 tuổi.

+ Kết thúc ch- ơng trình, đoàn trở về Hà Nội.

Dự kiến giá một khách là 270.000 VND(đã bao gồm thuế VAT) cho đoàn từ 45 khách trở lên.

KẾT LUẬN

Bắc Giang là một tỉnh miền núi có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, đồng thời cũng là miền l- u giữ một nguồn tài nguyên dân ca Việt Nam vô cùng phong phú. Tài nguyên này bao gồm từ tầng dân ca cổ nhất cho đến những sáng tạo của các giai đoạn tiếp theo, dân ca ở tỉnh Bắc Giang cũng có nhiều thể loại nh- : dân ca quan họ vùng Việt Yên, Thổ Hà; những làn điệu dân ca đồng bằng Bắc Bộ; hát then đồng bào Tày; Sình ca Cao Lan và làn điệu sli (soong hao) của ng- ời Nùng Phàn Slình.

Trên nền tảng chung đó, hát sli đ- ợc xem nh- một loại hình dân ca đặc sắc của một tộc ng- ời. Trong hát sli ng- ời Nùng Phàn Slình, nội dung nghiêng về hát giao duyên, hát hội, hát giao l- u đêm dài, hát đám c- ới. Giai điệu của những bài ca m- ợt mà, đằm thắm, sâu nặng và giàu tình nhân ái. Hát dân ca sli(soonghao) là một hình thức sinh hoạt văn hoá tinh thần của bà con dân tộc Nùng Phàn Slình ở Bắc Giang. Nó ra đời rất sớm từ khi hình thành tộc ng- ời Nùng và di c- đến Bắc Giang, phát triển cùng với hoạt động lao động sản xuất của ng- ời dân nơi đây. Trải qua những thăng trầm của lich sử, hát sli (soong hao) của ng- ời Nùng phàn Nùng Phàn Slình đã đ- ợc mài rũa, chắt lọc, phát triển, chuyển tải trong mình những giá trị truyền thống độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc của quê h- ơng.

Về cấu trúc, hát sli còn đơn giản, thanh âm điệu thức ch- a hoàn chỉnh, lời ca mộc mạc, chân chất giản dị, gợi cho chúng ta nghĩ đến tính lâu đời của nó.

Nh- ng bên cạnh đó, hát dân ca Nùng Phàn Slình cũng có những bài với giai điệu hay, độc đáo, tạo nên khoái cảm thẩm mỹ cho ng- ời nghe nh- giai điệu hát đối đáp, giao duyên, hóm hỉnh, ví von, hài h- ớc.

Trải qua những thăng trầm của cuộc sống, làn điệu sli đang đứng tr- ớc nguy cơ bị mai một dần và cũng có thể bị quên lãng nếu nh- chúng ta không có các biện pháp tốt để bảo tồn và gìn giữ. Tuy nhiên đ- ợc sự quan tâm của Đảng và nhà n- ớc, của những cơ quan đoàn thể có trách nhiệm, của những ng- ời yêu tha thiết làn điệu dân ca, chúng ta đã và đang làm đ- ợc nhiều việc có ý nghĩa nh- : s- u tầm và gìn giữ những bài dân ca sli, nghiên cứu về lịch sử hình thành cũng nh- những giá trị mà loại hình nghệ thuật này mang lại. Nó không chỉ có giá trị về mặt nghệ thuật mà cao hơn nữa cùng với các loại hình khác nó tạo ra một nền văn hóa đa dạng cho n- ớc nhà, làm tăng sức hấp dẫn đối với khách du lịch khi đến với Việt Nam.

Việc đ- a tục hát sli vào hoạt động du lịch là một việc làm rất cần thiết vì nó không những giúp cho việc bảo tồn, phát triển dân ca sli mà nó còn đem đến những lợi ích về kinh tế cho đồng bào ở đây, giúp cho đồng bào ổn định về đời sống. Tuy nhiên việc đ- a tục hát sli vào hoạt động du lịch rất cần sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm nhằm phát triển một cách đúng đắn, phù hợp để tục hát sli vẫn giữ đ- ợc những nét mộc mạc vốn có của nó.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. Nguyễn Xuân Cần (và các tác giả). *Dân ca Sán Chí huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang*, NXB. Văn hóa dân tộc, H.2004
3. Đoàn Văn Chúc. *Xã hội học văn hóa*, NXB Văn hóa thông tin.1997.
4. Trần C- ờng. *Âm nhạc-tác giả và tác phẩm*, NXB an ninh. 2003
5. Nguyễn Công Đồn. *Lịch sử Đảng bộ Lục Ngạn*, Sở văn hóa thông tin Bắc Giang. 1998/
6. Nguyễn Đình Hoa. *Các dân tộc ở Việt nam*, NXB Khoa học xã hội, H. 1983.
7. Nguyễn Văn Huy. *Bức tranh văn hoá các dân tộc Việt Nam*, NXB Giáo dục, H. 1997.
8. Vũ Ngọc Khánh. *Tín ng- ỡng dân gian Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 2001.
9. Lộc Bích Kiệm. *Đặc điểm dân ca đám cới Tày-Nùng xứ Lạng*, hội Văn học Lạng Sơn. 2004.
10. Ngô Văn Lệ. *Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam,* NXB Giáo dục Hà Nội, H .1997.
11. *Lễ hội xứ Bắc*, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Bắc, 1989.
12. *Một số vấn đề lịch sử nvăn hoá các dân tộc ở Việt Bắc,* NXB Bộ Văn hoá- Thông tin - Bảo tàng Việt Bắc. 1981.
13. Phan Phúc Minh. *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, NXB Âm nhạc, H. 1994.
14. Phù Ninh, Nguyễn Thịnh. *Văn hóa truyền thống Cao Lan*, NXB. VHDT, H. 1999.
15. Hoàng Nam. *Dân tộc đại c- ơng*, NXB Giáo dục Hà Nội. 1997.
16. Hoàng Nam. *Đặc tr- ng văn hoá cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn học dân tộc, H. 2002.

17. Hoàng Nam, *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, NXB VHDT, H. 2002.
18. Nông Thị Nhình. *Âm nhạc dân gian các dân tộc Tày – Nùng - Dao Lạng Sơn*, NXB. VHDT, H. 2005.
19. Hoàng Văn Páo. *L- ợn Tày Lạng Sơn*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2003.
20. Lâm Quý. *Sình ca Cao Lan đêm hát thứ nhất*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 2003.
21. Tô Ngọc Thăng, Hồng Thao, *Tìm hiểu âm nhạc dân tộc cổ truyền*, NXB Văn hóa dân tộc, H. 1986.
22. Hoàng Văn Trụ. *Dân ca các dân tộc thiểu số*, NXB VHDT, H. 1997.
23. *Truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số Bắc Giang*, T- liệu bảo tàng Bắc Giang
24. Mã Thế Vinh. *Văn hoá văn nghệ cổ truyền với việc sáng tạo mới*, NXB Hội văn học nghệ thuật Lạng Sơn. 2005.
25. *Văn hoá Bắc Giang*, Sở Văn hoá - Thông tin Bắc Giang, 2002.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Danh sách những ng- ời cung cấp tài liệu

TT	Họ và tên	Tuổi	Dân tộc	Giới tính	Địa chỉ	Nghề nghiệp
1	D- ơng Thị Án	72	Nùng	Nữ	Khuân Rạp - Phong Vân- Lục Ngạn - Bắc Giang	Làm ruộng
2	Lục Văn Bử	40	Nùng	Nam	Cầu Sắt- Sơn Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	Cán bộ xã
3	Lý Thái Dân	67	Nùng	Nam	Tam Bảo -Tân Hoa - Lục Ngạn- Bắc Giang	Cán bộ xã
4	Nguyễn	57	Kinh	Nam	TT. Chũ- Lục Ngạn -	TP. Văn

	Bá Đạt				Bắc Giang	Hoá Huyện
5	Vi Thị Đỏm	76	Nùng	Nữ	Tam Chẽ - Sơn Hải - Lục Ngạn- Bắc Giang	Làm ruộng
6	Hoàng Văn Lùng	54	Nùng	Nam	Cầu Sắt- Sơn Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	Cán bộ xã
7	Phùng Văn Muộn	44	Nùng Cháo	Nam	Khu tập thể Văn Công TP. Lạng Sơn	PGĐ. TT Văn hoá Tỉnh
8	Lý Thị Păng	50	Nùng	Nữ	Đèo Lách - Kim Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	Làm ruộng
9	Lý Văn Phụ	50	Nùng	Nam	Tân Hoa - Lục Ngạn - Bắc Giang	Cán bộ xã
10	Sần Kim Sơn	80	Nùng	Nữ	Ao Nhãn - Tân Hoa - Lục Ngạn - Bắc Giang	Làm ruộng
11	Nông Văn Sủi	70	Nùng	Nam	Tân Hoa - Lục Ngạn - Bắc Giang	Cán bộ xã
12	Vi Văn Tà	46	Nùng	Nam	Đấp Sơn - Hải - Lục Ngạn Bắc Giang	Cán bộ xã
13	Vi Văn Thánh	76	Nùng	Nam	Tam Chẽ - Sơn Hải - Lục Ngạn- Bắc Giang	Làm ruộng
14	D- ơng Cao Thắng	71	Kinh	Nam	Vạt Phú - Tân Hoa - Lục Ngạn - Bắc Giang	Cán bộ xã
15	Chu Văn Thông	72	Nùng	Nam	Phong Vân - Lục Ngạn - Bắc Giang	Cán bộ xã
16	Nông Xuân Thủy	72	Nùng	Nam	Tân Hoa - Lục Ngạn - Bắc Giang	Làm ruộng

17	Lý Văn Vản	60	Nùng	Nam	Biển Động - Lục Ngạn - Bắc Giang	Làm ruộng
18	Mã Thế Vinh	65	Nùng Choá	Nam	Khu tập thể Văn Công TP. Lạng Sơn	Hội Văn học Dân gian VN

Phụ lục 2

Một số bài hát *Sli*

***Sli Boóc* (bài hát dao duyên ở chợ tình)**

Lời chữ Nùng

Nữ: Nấ này nấ đáy ọc hơn ma

Ma hẳn lục phụng du cháng nha

Nam : Síp nhị pí bớn văn này lỵ

Ma hẳn lục phí dày cáo lơ

Nữ: Tô say cáo lơ páy khàm hải

Da táp pô slai chỉnh đày hơ

Nam: Tô say cáo lơ páy mơ nọc

Cáo pọt thển sêu hừ nhọi hở

Nữ: Sụm mộng thiển nớ cáo đày nẹt

Văn pỏn văn đet sli đày nhơ

Nam: Sụm mộng thển nớ cáo đày chùng

Soóng hao khàm lụng xạo hạy na

Nữ: Sở slờngkhần sả páy nem lặm

Sáo nhơ na nặm phúc tẹo phán

Nam: Sở này nhet slím sau nhọi ky

Bô hừ lục phí tú tăng lơ

Nữ: *Sụm mộng văn hn pen tế đày*

Sở này đày pang thẻm đày nhơ

Nam: *Sụm mộng pỏn tóc nặm dôn bùng*

Sạu phụng pen slinh đày mi hơ

Nữ: *Sở slờng áu mịnh páy khàu chồ*

Láo peng bô cồ vít tẹo sở

Nam: *Nhet cáo nhị kết sở bô bồ*

Thải đếu tô cồ lục kím nhơ

Nữ: *Láo tẹo thển nớ mân bô họp*

Tẹo pạc ắn slinh tú tăng lơ

Nam: *Thển nớ bô họp sụm áu đày*

Chí cồn sạo hạy long het na

Nữ: *Tô say đắm na long pen khàu*

Ra bồ na pâu khần nhà đá

Nam: *Nhọi hởi đắm na long pen khàu*

Sloong hao sình làu slong văn mơ

Nữ: *Phúc páy phán ma nọong tẹo khặm*

Văn hâ sình làu say há sở

Nam: *Slám pắc sli phống long pào dạu*

Sloóng hao sình làu văn pục lơ

Nữ: *Het hơ long song đày cân bờng*

Say kín súng sờng chỉnh hổn nhung

Nam: *Nhọi m- ng long song sở pắn thu*

Say kín say dụ páy một mơ

Tạm dịch: **Hát giao duyên đối đáp**

Nữ : *Hôm nay ngày hội mừng xuân*

Về đây đ- ợc gặp ng- ời thân chỗ này

Nam: Hôm nay ngày hội giêng hai

Gặp nhau ta cùng hát bài trao duyên

Nữ: Cùng anh ca hát thành duyên

Đừng cho n- ớc chảy trôi thuyền đi xa

Nam: Ung dung lái chiếc đò sang

Tới khi đến đợi đ- ợc nàng mới thôi

Nữ: Mong sao trời cũng nhủ lòng

Nắng m- a chung thuỷ em trông cậy nhờ

Nam: Anh đây quyết chí một lòng

Không cho bạc nghĩa bỏ không ng- ời tình

Nữ: Thực lòng trăng sáng đầy vơi

Toả h- ơng gió mát cho đời em mong

Nam: Vắng trăng vẫn còn sao trông

Sợ rằng duyên nợ em không bằng lòng

Nữ: Ước gì đào núi thành sông

Thuỷ chung mới hết mặn nồng đắng cay

Nam: Nhiệt tình khổ mấy vấn v- ơng

Dù cho sống chết vẫn th- ơng lấy nàng

Nữ: Sợ rằng ông trời chẳng cho

Bỏ duyên lãng mạn nh- đò sang sông

Nam: Trời cao m- a đổ vơi đi lại đầy

Cùng nhau đào núi có ngày thành công

Nữ: Cùng nhau cấy lúa nên bông

Đừng để ruộng đồng mọc cỏ hoa lau

Nam: Em ơi cấy lúa nên bông

Ngày vui đám c- ới r- ợu hồng đôi ta

Nữ: Ngày vui đám c- ới r- ợu hoa

Anh báo thực lòng cho nhà em hay

Nam: Tám ph- ơng tứ h- ớng đến mừng

Cùng vui đám c- ới đẹp lòng mai sau

<u>Bài:</u> Sli đệp (hát khi gặp ng- ời yêu cũ)

Sở đệp ắn slinh nhọi cân cái

Nhọi mng đêp nọi sở đệp lái

Nhọi mựng đệp lái nhăng kín khàu

Sở này đệp nọi pau bô ngai

Bô pau bô ngai hóc chét ton

Pài lộ đáng ỏn dợng dị báu

Pài lộ đáng ỏn dợng bâứ chì

Phạn tạn lế hẳn vạ làu mau

Phạn tạn lế hẳn vạ mau làu

Phán tẹo ma hơn cân kê dáu

Phán tẹo ma hơn cân kê khặm

Khặm sở het lăng bô kín pau

Mịnh hau tô hop mi nến áu

Tam dịnh:Bài hát yêu th- ơng

Anh đây th- ơng nhớ mến yêu

Em th- ơng anh ít anh th- ơng nhiều

Em th- ơng nhiều sớm chiều còn cơm

Anh đây th- ơng ít sớm chiều không cơm

Sớm chiều không cơm sáu bẩy ngày

Chân b- ớc đi đ- ờng nhẹ nh- bay

Chân b- ớc đi đ- ờng nhẹ nh- giấy

Ng- ời ngoài trông thấy t- ởng r- ợu say

Ng- ời ngoài trông thấy say r- ợu rồi

Về nhà bố mẹ thì lo âu

Về nhà bố mẹ luôn miệng hỏi

Hỏi anh sao lại buồn sầu không cơm

Hỏi anh sao lại buồn sầu không bữa

Số phận không hợp đành bổ không

Bài: **Khầu hơn mâ**

Hân lêu văn lêu vạ hơn slay

Mạy dền tinh sả hét slá lan

Mế hau cắm slớ páy nhoi sẹch

Páy tô pộ khẹc nứ linh hông

Pộ khẹch linh hông vạ bớn chênh

Chênh ngột sửn sli văn dếu án

Chênh ngột sửn sli đày văn mão

Hơn ngã toi nà tằng chỉnh cháng

Hơn ngã toi nả tằng chỉnh vị

Tẳng chỉnh tú lung chỉnh òn đáng

Cay này pẩy nà bô dáu hị

Hét kín sli kỉ đày pinh án

Het kín phát sai tợi tạp tại

Mô vai khàu nặm tém bờng cái

Phụng hông bén slúng khẩn chêu phá

Chểu hẳn hơn lồng kỳ tặm vá

Tạm dịch: Chúc mừng nhà mới

Đêm chê ngày đêm gọi nhà nhỏ

Cây nghiến trên đồi làm xong cửa

Mẹ mình cắp sách đi xem ngày

Đi đến ông thầy ở Linh quan

Ông thầy Linh quan bảo tháng giêng

Tháng giêng năm mới đ- ợc ngày tốt

Tháng giêng năm mới có ngày lành

Mẹ mình yên tâm làm nhà mới

Mẹ mình yên tâm làm nhà ngói

Nhà ngói tr- ớc cửa mọc khang trang

Nhà ngói t- rớc cửa trông thật đẹp

Dựng đúng thân Rồng mới yên tâm

Từ nay về sau không lo lắng

Làm ăn tứ mùa đ- ợc bình yên

Làm ăn giàu sang đời muôn đời

Trâu bò thóc gạo đầy giàu sang

Ph- ợng hoàng bay cao lên trông trời

Nhìn thấy nhà lầu đầy h- ơng hoa.

Bài**:** **Cồ khặn tú vện**

Pẹc hạc bén sả slúng

Nọc dung bén sả tằm

Bén ma cả tú lống

Phóng ma cả tú vện

Mỳ chờng bọc long khảng

Mỳ chờng vá long họi

Long họi nọc tú nha

Long ná nọc tú vện

Ma hẳn pôn làu cắp pôn xa

Ma hẳn pôn cắp pôn làu

Bộ chí kỉnh khạch lộ kỉnh đái

áu slứ lai ma học

Hừ sở sím chòn đáng

Hừ sở sím chon kỉnh

Hừ sở sím kỉnh bô bú nà

Hử sở súng sòng ti òn đáng

Súng sòng pặt âus lái khàu tị

Khầu mơ hơn lống hau cọi càng

Cọi càng càng tắc pọng văn

Soong hao càng văn đắm cọi thọi ni hớ

Tạm dịch: **Chuyện hỏi ngoài ngõ**

Cò trắng bay tầng cao

Chim Công bay tầng thấp

Bay về qua cửa rộng

L- ợn về qua đến cổng

Thấy ô đẹp buông đợi

Thấy ô hoa buông chờ

Buông đợi ở ngoài cổng

Buông đợi ở ngoài cửa

Về thấy khay r- ợu với khay trà

Về thấy khay trà với khay r- ợu

Ý để mời khách hay bỏ không

Lấy câu tốt về dùng

Cho mình đ- ợc yên tâm

Cho mình đ- ợc yên lành

Cho mình tâm tính không nói ra

Cho mình ung dung đ- ợc yên tĩnh

Ung dung vãy tay mình vào nhà

Đi vào nhà ngói mình hãy tha

Đi vào nhà cao ta hãy nói
Đến mặt trời lặn ta mới đi
Khách tan ta mới về .